

*
Số -ĐA/BCS

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2022

ĐỀ ÁN

Đẩy mạnh Cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025

Phần mở đầu

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Cải cách hành chính (CCHC) là một trong những yếu tố thúc đẩy, có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy hành chính nhà nước; tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch nhằm giảm thiểu chi phí về thời gian và chi phí của các tổ chức, cá nhân. Vì vậy, Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 16/10/2020 của Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định ***“Đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, gắn trách nhiệm người đứng đầu; tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi phục vụ người dân và doanh nghiệp”*** là một trong ba đột phá chiến lược, nhằm góp phần tích cực hơn nữa trong việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025.

Nhận thức rõ vai trò của CCHC, thời gian qua, Hà Tĩnh đã chú trọng đẩy mạnh CCHC và những kết quả của CCHC đã tác động tích cực đến sự phát triển chung của Tỉnh. Tuy vậy, CCHC mang tính toàn diện, tổng thể, bao trùm trên nhiều lĩnh vực nên trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện còn có những tồn tại, hạn chế nhất định: CCHC một số mặt, lĩnh vực chưa đạt yêu cầu, nhất là giải quyết các thủ tục liên quan đến doanh nghiệp và người dân; việc đối thoại, tiếp công dân ở một số địa phương thực hiện chưa nghiêm, hiệu quả chưa cao; xây dựng Chính quyền điện tử và chuyển đổi số còn chậm; tỷ lệ dịch vụ trực tuyến mức độ 3, 4 vẫn còn thấp so với yêu cầu; tỷ lệ các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên còn thấp; chỉ số CCHC (PAR INDEX) của tỉnh mặc dù nằm trong top 16 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước, nhưng không ổn định, không đảm bảo tăng dần về thứ hạng năm sau so với năm trước liền kề (năm 2020 bị giảm 04 bậc so với năm 2019)...

CCHC muốn đạt được hiệu quả cao, cần phải gắn kết chặt chẽ, triển khai đồng bộ, có hệ thống giữa sự lãnh đạo của cấp ủy với công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp gắn với đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị, địa phương.

Nhằm cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng về các nội dung liên quan các lĩnh vực của CCHC, nhất là các Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 (Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; đồng thời nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém hiện nay, đẩy mạnh công tác CCHC của tỉnh một cách đồng bộ, toàn diện, có chuyển biến rõ nét, đặc biệt là cải cách thể chế; cải cách TTHC, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tinh gọn về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính; cải cách chế độ công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức liêm chính, năng động, chuyên nghiệp, hiện đại; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh xây dựng ***Đề án Đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động chính quyền các cấp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025*** (sau đây gọi tắt là Đề án) báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến chỉ đạo và xem xét trình BCH Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực này.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Văn bản chủ trương của Đảng

(Phụ lục 01 kèm theo)

2. Văn bản pháp luật của Nhà nước

(Phụ lục 02 kèm theo)

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐỀ ÁN

1. Đối tượng

- UBND các cấp thuộc tỉnh (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã);
- Các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Phạm vi

- Thời gian: Đánh giá giai đoạn 2016 - 2021; đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2025.
- Không gian: Toàn tỉnh Hà Tĩnh.

Phần thứ nhất
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CCHC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ
MÁY HÀNH CHÍNH CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2016-2021

A. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CCHC GIAI ĐOẠN 2016-2021

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC và thực trạng các chỉ số liên quan đến công tác CCHC của tỉnh

1.1. Việc ban hành văn bản và chỉ đạo triển khai thực hiện

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ, trên cơ sở thực tiễn về công tác CCHC của tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 29/02/2012 về chương trình tổng thể CCHC nhà nước tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2012 - 2020; theo đó giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 29/7/2016 về CCHC giai đoạn 2016- 2020.

Hàng năm, UBND tỉnh ban hành kế hoạch CCHC và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đồng bộ trên các lĩnh vực, góp phần đẩy mạnh CCHC trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng kế hoạch CCHC của ngành, đặc biệt là các ngành tham mưu UBND tỉnh về các lĩnh vực của CCHC. Theo đó, các đơn vị, địa phương trong tỉnh đã ban hành kế hoạch CCHC, các văn bản chỉ đạo CCHC cơ bản phù hợp với định hướng của tỉnh và thực tiễn của đơn vị, địa phương mình.

Hàng năm, theo yêu cầu nhiệm vụ, UBND tỉnh tổ chức các cuộc hội nghị, hội nghị trực tuyến, hội thảo chuyên đề, các cuộc giao ban định kỳ, đột xuất để chỉ đạo kịp thời công tác CCHC, trong đó lựa chọn các nội dung trọng tâm, đột phá, như: sắp xếp tổ chức, bộ máy; đổi mới phương thức điều hành của các đơn vị, địa phương, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện CCHC; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; cải cách, đơn giản hóa TTHC; thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp huyện,... Công tác chỉ đạo, điều hành qua Internet được tăng cường, đẩy mạnh. UBND tỉnh đã triển khai thực hiện hệ thống gửi nhận văn bản, hệ thống thư điện tử của tỉnh, phần mềm theo dõi ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, hệ thống gửi nhận văn bản điện tử; phần mềm dịch vụ công trực tuyến... góp phần hiện đại hóa nền hành chính công vụ.

Trong giai đoạn 2016 - 2021, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành gần 300 văn bản để chỉ đạo và triển khai 06 nội dung, lĩnh vực công tác CCHC trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, kịp thời.

1.2. Công tác kiểm tra, giám sát về CCHC, thanh tra công vụ

Công tác kiểm tra, giám sát CCHC, thanh tra công vụ được chú trọng tổ chức, thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2021 (tổ chức hơn 340 lượt thanh tra, kiểm tra, với 295 cơ quan, đơn vị được thanh tra, kiểm tra); qua đó đã góp phần nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện công tác CCHC, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ từng bước

được nâng lên. Chất lượng công tác CCHC ngày càng đi vào chiều sâu và có sự lan tỏa mạnh mẽ. Các tồn tại, hạn chế trong CCHC được phát hiện và kịp thời chỉ đạo khắc phục thông qua các văn bản chỉ đạo, kế hoạch hành động của UBND tỉnh về nâng cao các chỉ số PAR-INDEX, PCI, PAPI, SIPAS hàng năm.

Công tác kiểm tra, thẩm định, đánh giá xếp loại chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo và thực hiện theo Quy chế và Bộ tiêu chí chấm điểm có tính định lượng cao¹, đây là tiêu chí quan trọng trong bình xét thi đua, khen thưởng cuối năm, qua đó đã góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện CCHC². Việc xây dựng, áp dụng sáng kiến kinh nghiệm trong thực hiện CCHC được chú trọng triển khai, thực hiện.

1.3. Công tác tuyên truyền về CCHC

Công tác tuyên truyền CCHC được triển khai hiệu quả bằng nhiều hình thức phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng. Các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương đã phối hợp phản ánh toàn diện các lĩnh vực CCHC và các chuyên đề có tính đột phá theo từng thời kỳ, từng nhiệm vụ CCHC của tỉnh, tập trung tuyên truyền thường xuyên được đổi mới, các vấn đề trong công tác CCHC được đi sâu phân tích, tìm hiểu góp phần nâng cao chất lượng tuyên truyền³.

1.4. Thực trạng thứ hạng các chỉ số liên quan đến công tác CCHC của tỉnh trong giai đoạn 2016 - 2021

1.4.1. Chỉ số CCHC (PARINDEX)

Năm 2016: Xếp hạng 17/63;

Năm 2017: Xếp hạng 17/63;

Năm 2018: Xếp hạng 13/63;

Năm 2019: Xếp hạng 12/63;

Năm 2020: Xếp hạng 16/63, tăng 01 bậc so với năm 2016 và giảm 04 bậc so với năm 2019.

1.4.2. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)

Năm 2016: Xếp hạng 02/63;

¹ Các Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế và Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh: số 33/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 (thay thế Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND); số 52/2019/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 (thay thế Quyết định số 33/2018/QĐ ngày 12/9/2018); số 43/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 bãi bỏ Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND; số 3396/QĐ-UBND ngày 11/10/2021.

² Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước và cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh về thực hiện CCHC (thay thế Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 25/3/2014 của UBND tỉnh).

³ Mỗi năm, Đặc san Thông tin - Tư tưởng của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh dành 4 bài tuyên truyền về nội dung cải cách hành chính. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã xây dựng chuyên mục “Cải cách hành chính” phát sóng 2500 bản tin, 1700 phóng sự ngắn, Báo Hà Tĩnh đã có hơn 5300 tin, bài, các cơ quan báo chí Trung ương và tỉnh bạn hoạt động trên địa bàn có trên 5600 tin tuyên truyền về công tác CCHC. Từ năm 2016, Báo Hà Tĩnh và Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã xây dựng fan Page trên mạng xã hội facebook thu hút hàng chục vạn lượt người theo dõi, thông qua đó các tin, bài, phóng sự về công tác CCHC được lan tỏa mạnh mẽ đến nhiều tầng lớp nhân dân, nhất là giới trẻ.

Năm 2017: Xếp hạng 12/63;

Năm 2018: Xếp hạng 07/63;

Năm 2019: Xếp hạng 16/63;

Năm 2020: Xếp hạng 05/63, giảm 3 bậc so với năm 2016, tăng 11 bậc so với năm 2019.

1.4.3. Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS)

Năm 2016: Chưa triển khai Kế hoạch đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước;

Năm 2017: Không xếp hạng, Hà Tĩnh đạt tỷ lệ chỉ số hài lòng là: 84,68%;

Năm 2018: Xếp hạng 04/63;

Năm 2019: Xếp hạng 24/63;

Năm 2020: Xếp hạng 11/63, tăng 13 bậc so với năm 2019.

1.4.4. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

Năm 2016: Xếp hạng 39/63;

Năm 2017: Xếp hạng 33/63;

Năm 2018: Xếp hạng 23/63;

Năm 2019: Xếp hạng 27/63;

Năm 2020: Xếp hạng 21/63, tăng 18 bậc so với năm 2016, tăng 06 bậc so với năm 2019.

2. Kết quả thực hiện các nội dung theo Chương trình tổng thể CCHC

2.1. Cải cách thể chế:

Công tác xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật ở tỉnh đã thực sự có những chuyển biến tích cực, ngày càng đáp ứng tốt hơn các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Hệ thống thể chế đã được định hình một cách rõ nét trên tất cả các lĩnh vực, dần đáp ứng các tiêu chí về tính đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của tỉnh. Về mặt nội dung, đã thể hiện được tư duy xây dựng văn bản QPPL mới, đảm bảo tính cân đối, đồng bộ giữa thể chế về chính trị, kinh tế, xã hội, môi trường, bảo vệ quyền con người, quyền công dân phù hợp hơn với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo khuôn khổ pháp lý cho những bước phát triển mới ở giai đoạn sau.

Hoạt động xây dựng, hoàn thiện thể chế không chỉ chú trọng đến việc ban hành các văn bản phục vụ phát triển kinh tế mà còn tập trung nhiều hơn cho các lĩnh vực khác, đặc biệt là các lĩnh vực y tế, giáo dục, khoa học, công nghệ, tài nguyên - môi trường... Nhiều chủ trương lớn của tỉnh đã được triển khai trên thực tế và có tác động tích cực, hạn chế được tình trạng tùy tiện trong xây dựng thể chế. Theo đó, Cơ quan tư pháp các cấp đã tiến hành thẩm định chặt chẽ, đúng quy định các dự thảo văn bản QPPL, các báo cáo thẩm định đã chỉ ra sự phù hợp về thẩm quyền, căn cứ ban hành văn bản, sự phù hợp và tính khả thi

của chính sách đối với tình hình địa phương... Trong giai đoạn 2016 - 2021, cấp tỉnh đã ban hành 321 văn bản QPPL, trong đó có 206 Quyết định và 115 Nghị quyết của HĐND tỉnh; cấp huyện, cấp xã đã ban hành 606 văn bản, trong đó có 466 Nghị quyết và 140 Quyết định. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL được triển khai nghiêm túc⁴. Việc xử lý văn bản sau tự kiểm tra, kiểm tra đã được thực hiện kịp thời, nghiêm túc, các văn bản QPPL có sai sót về nội dung đều được cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

2.2. Cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

2.2.1. Cải cách thủ tục hành chính

Cải cách TTHC được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong CCHC, trong đó UBND tỉnh tập trung chỉ đạo quyết liệt việc cắt giảm tối thiểu 1/3 thành phần hồ sơ, 50% thời gian giải quyết TTHC ở tất cả các lĩnh vực, tạo sự chuyển biến rõ nét, cơ bản đáp ứng yêu cầu CCHC, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC.

Giai đoạn 2016-2021, UBND tỉnh ban hành 03 Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa đối với 191 TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh theo quy định; chất lượng giải quyết TTHC có chuyển biến tích cực thông qua công tác kiểm soát, rà soát, đơn giản hóa TTHC; mở rộng hình thức, phạm

⁴ Trong giai đoạn 2016-2020, ở cấp tỉnh tổ chức tự kiểm tra 321 văn bản QPPL, qua đó phát hiện 19 văn bản QPPL không phù hợp với quy định (gồm 06 văn bản có nội dung không phù hợp với văn bản cấp trên, 13 văn bản sai sót về thể thức). Cấp huyện đã thực hiện tự kiểm tra 48 văn bản quy phạm pháp luật, qua đó phát hiện 02 văn bản quy phạm có sai sót về thể thức.

Về công tác kiểm tra văn bản, đối với cấp tỉnh đã thực hiện kiểm tra 493 văn bản QPPL do cấp huyện ban hành, qua đó, phát hiện 11 văn bản chưa phù hợp với quy định của pháp luật (gồm 02 văn bản có sai sót về nội dung, 09 văn bản có sai sót khác). Cấp huyện đã thực hiện kiểm tra 1154 văn bản, trong đó phát hiện 04 văn bản quy phạm pháp luật có sai sót về nội dung và 69 văn bản quy phạm pháp luật có sai sót về thể thức và kỹ thuật trình bày.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát 3.171 lượt văn bản, trong đó có 254 văn bản được đề nghị xử lý do mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với văn bản cấp trên, 254/254 văn bản đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sau rà soát.

Cấp huyện, cấp xã đã tổ chức thực hiện rà soát 1052 văn bản quy phạm pháp luật. Qua đó đã phát hiện 42 các văn bản mâu thuẫn, chồng chéo không còn phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương và đã kịp thời xử lý theo quy định.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương tổ chức hệ thống hóa văn bản QPPL của cả 3 cấp trên địa bàn tỉnh kỳ 2014-2018. Kết quả, đối với cấp tỉnh quá trình thực hiện hệ thống hóa xác định: Tổng số văn bản còn hiệu lực: 312 văn bản; Tổng số văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần: 28 văn bản; Tổng số văn bản cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới: 13 văn bản. Tổng số văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ: 120 văn bản. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh kỳ 2014-2018 và đăng tải trên Hệ thống công bố điện tử của tỉnh (qppl.hatinh.gov.vn) để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu.

Ở cấp huyện, quá trình hệ thống hóa đã xác định được 111 văn bản còn hiệu lực thi hành; 03 văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần; 06 văn bản cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới; 100 văn bản văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ. 13/13 huyện, thành phố, thị xã đã ban hành Quyết định công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện kỳ 2014-2018.

Ở cấp xã, quá trình hệ thống hóa xác định 126 văn bản còn hiệu lực, 262/262 xã, phường, thị trấn đã ban hành Quyết định công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp xã kỳ 2014-2018.

vì công khai, minh bạch hóa TTHC (*thực hiện đồng thời cả hai hình thức niêm yết và điện tử*) và các thông tin quản lý nhà nước, tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

2.2.2. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

UBND tỉnh đã ban hành quyết định thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 23/02/2017) và thành lập 13 Trung tâm Hành chính công cấp huyện (trước thời điểm Chính phủ ban hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính) cũng được coi là sự đột phá trong cải cách thủ tục hành chính.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 20/6/2016 về ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 về Quy định tạm thời chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa 03 cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 99/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 về mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 30/6/2021 triển khai Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2.2.3. Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4

Tính đến thời điểm hiện nay, trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh có:

- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: 289 (trong đó cấp tỉnh 276 DVC, mỗi đơn vị cấp huyện 10 DVC, mỗi đơn vị cấp xã 3 DVC). Có 50 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ (cấp tỉnh: 47, cấp huyện: 02, cấp xã: 01). Tỷ lệ phát sinh hồ sơ DVC mức độ 3 là 48,67% (1597/3.281).

- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: 830 (trong đó cấp tỉnh 606 DVC, mỗi đơn vị cấp huyện 172 DVC, mỗi đơn vị cấp xã 52 DVC). Có 176 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ (cấp tỉnh: 110, cấp huyện: 29, cấp xã: 37). Tỷ lệ phát sinh hồ sơ DVC mức độ 4 là 26,78% (14.862/55.489).

2.2.4. Về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích

UBND tỉnh đã ban hành Văn bản ký kết thỏa thuận hợp tác triển khai với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, đồng thời chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện ký kết hợp tác triển khai với Bưu điện tỉnh. Đến nay, Bưu điện tỉnh đã thành lập Bưu cục Hành chính công tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, bố trí nhân viên trực và thu phí chuyển phát kết quả giải quyết TTHC, thu hộ phí, lệ phí giúp các sở, ban, ngành và tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC đến tận địa chỉ cá nhân, tổ chức theo yêu cầu.

Năm 2020, đã hoàn thành thí điểm giai đoạn 01. Năm 2021, tiếp tục thực hiện thí điểm giai đoạn 02, theo đó đã chuyển giao cho nhân viên bưu điện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả tại quầy tiếp nhận của 09 Sở⁵ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và 08 địa phương; đặc biệt thực hiện có hiệu quả việc chuyển trụ sở Trung tâm hành chính công cấp huyện sang trụ sở Bưu điện huyện tại huyện Cẩm Xuyên và chuyển trụ sở Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã sang trụ sở của Bưu điện xã tại xã Kỳ Bắc (huyện Kỳ Anh).

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính được xác định là trọng tâm, đột phá trong kế hoạch CCHC tỉnh giai đoạn 2016-2021, được các cấp, các ngành tập trung quyết liệt và có nhiều chuyển biến tích cực. Việc quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương được thực hiện kịp thời, vừa đúng quy định, vừa phù hợp với thực tiễn hoạt động. Việc sắp xếp tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị cũng được chú trọng thực hiện đảm bảo nguyên tắc không thành lập các tổ chức trung gian trực thuộc như chi cục, phòng chuyên môn chưa cần thiết. Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, sáp nhập thôn, tổ dân phố đã đạt được kết quả quan trọng, tạo được sự đồng thuận trong cán bộ và Nhân dân; giảm được số lượng cán bộ, giảm chi ngân sách. Kết quả cụ thể như sau:

2.3.1. Kết quả thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ:

a) Các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện

** Về tổ chức hành chính:*

- Số lượng các sở, ban, ngành cấp tỉnh: hiện nay, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có 22 sở, ban, ngành (giai đoạn từ 2018 - 2020, có 21 đơn vị, do thực hiện thí điểm hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thành Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh theo Nghị quyết số 580/2018/UBTVQH14 ngày 04/10/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội). So với thời điểm 30/6/2015, số lượng sở, ban, ngành không tăng, không giảm.

- Số lượng văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của Sở: hiện nay có 137 tổ chức, trong đó có 124 phòng chuyên môn, 10 chi cục, 02 ban và 01 tổ chức hành chính đặc thù. So với thời điểm 30/6/2015, giảm 34 tổ chức, trong đó có 27 phòng chuyên môn và 07 chi cục.

- Số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện: hiện nay có 152 phòng. So với thời điểm 30/6/2015, giảm 03 phòng do thực hiện thí điểm hợp nhất các Ban Đảng và các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện tại huyện Đức Thọ (hợp nhất Văn phòng huyện ủy và Văn phòng HĐND&UBND huyện thành Văn phòng cấp ủy - chính quyền huyện; hợp nhất Ủy ban Kiểm tra huyện

⁵ Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Khoa học và Công nghệ.

ủy và Phòng Thanh tra thành Cơ quan Kiểm tra - Thanh tra huyện; hợp nhất Ban Tổ chức huyện ủy và Phòng Nội vụ thành Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện).

** Về đơn vị sự nghiệp:*

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có 786 đơn vị, trong đó có 10 đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, 102 đơn vị trực thuộc Sở và 674 đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện. So với thời điểm 30/6/2015, giảm 140 đơn vị, trong đó có 29 đơn vị trực thuộc Sở và 111 đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện.

- Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện thay thế trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp: hiện nay có 39 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (tự chủ 100% chi thường xuyên).

b) Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã

Căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 653/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ; các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ, của các Bộ, ngành liên quan, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã tổ chức thực hiện, chỉ đạo các cơ quan, địa phương rà soát, thống kê, đánh giá thực trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn và thực hiện việc sắp xếp 80 đơn vị hành chính cấp xã hình thành 34 đơn vị hành chính cấp xã (*giảm 46 đơn vị hành chính cấp xã trong giai đoạn 2019-2021 từ 262 đơn vị hành chính cấp xã xuống còn 216 đơn vị hành chính cấp xã*).

c) Sắp xếp thôn, tổ dân phố: hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 1.965 thôn, tổ dân phố. So với thời điểm năm 2015 đến nay giảm 181 thôn, tổ dân phố.

2.3.2. Kết quả thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cơ quan, đơn vị:

a) Các cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh, cấp huyện :

- Số lượng cấp phó sở, ban, ngành: 54 người.

- Số lượng cấp phó các phòng chuyên môn, ban, chi cục và tương đương thuộc các sở, ban, ngành: 170 người, trong đó cấp phó các phòng chuyên môn là 152 người; cấp phó các ban, chi cục và tương đương là 18 người.

- Số lượng cấp phó các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện: 195 người.

b) Các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện:

- Số lượng cấp phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh: 21 người.

- Số lượng cấp phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ban, ngành: 164 người.

- Số lượng cấp phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện: 1.033 người.

c) Số lượng Lãnh đạo UBND các cấp:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, UBND các cấp thực hiện bố trí, sắp xếp số lượng thành

viên UBND các cấp đảm bảo theo quy định. Các thành viên UBND các cấp có năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, đáp ứng yêu cầu vị trí công tác (*thời điểm cuối nhiệm kỳ 2016-2021: tổng số thành viên UBND tỉnh gồm Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch và 17 Ủy viên UBND tỉnh; tổng số thành viên UBND của 13 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 13 Chủ tịch, 30 Phó Chủ tịch và 160 Ủy viên UBND cấp huyện. Tổng số thành viên UBND của 216 đơn vị hành chính cấp xã có 216 Chủ tịch, 277 Phó Chủ tịch và 400 Ủy viên UBND cấp xã*).

2.3.3. Kết quả thực hiện các quy định về quản lý biên chế và tinh giản biên chế (tính cả CBCC cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố)

- Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế gắn với thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 17-KL/TW, ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015 - 2016; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017 - 2021; việc quản lý biên chế từng bước được đổi mới, sử dụng hiệu quả, giảm bớt gánh nặng cho ngân sách. Kết quả thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021: đã giảm được 257 biên chế hành chính⁶, đạt tỷ lệ 10,39% và 3.198 số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp⁷, đạt tỷ lệ 10,89%.

- Số cán bộ xã có 2.239 người, giảm 429 người (16,08%); số công chức xã có 1.993 người, giảm 710 người (26,27%); số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có 1.722 người, giảm 1.821 người (51,40%); số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có 5.303 người, giảm 3.931 người (42,57%).

2.3.4. Kết quả thực hiện về phân cấp quản lý

Việc thực hiện phân cấp tổ chức bộ máy và cán bộ theo quy định của Chính phủ được đẩy mạnh nâng cao tính chủ động cho các sở, ban, ngành, địa phương. UBND tỉnh ban hành các văn bản triển khai thực hiện⁸. Trong quá trình phân cấp đã tiến hành thực hiện kiểm tra theo chuyên đề, phối kết hợp kiểm tra thực hiện quy định về tổ chức bộ máy, biên chế của trung ương, của tỉnh.

2.4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

2.4.1. Việc thực hiện bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bố trí CBCC cấp xã đạt chuẩn theo quy định hiện

⁶Năm 2015 giao 2.586 biên chế hành chính (trừ 68 biên chế Chi cục Quản lý thị trường chuyển Bộ Công Thương còn 2.518 biên chế); năm 2021 giao 2.261 biên chế hành chính.

⁷Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập: Năm 2015 giao 29.114 người (Bộ Nội vụ bổ sung 614 biên chế giáo viên, nâng số người làm việc được giao là 29.728 người); năm 2021 giao 26.530 người. Đến năm 2021, toàn tỉnh có 41 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và 38 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên.

⁸ Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND và nay là Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

hành; bố trí số lượng, chức danh CBCC cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; bố trí số lượng, chức danh cán bộ ở thôn, tổ dân phố.

a) Việc thực hiện bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

Tập trung chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức ở các cơ quan hành chính, chức danh nghề nghiệp ở đơn vị sự nghiệp trong toàn tỉnh, đã được Bộ Nội vụ thẩm định danh mục vị trí việc làm tại Quyết định số 2043/QĐ-BNV ngày 31/12/2015⁹. Đến nay, có 20/22 sở, ban, ngành được phê duyệt vị trí việc làm¹⁰; phê duyệt 93 vị trí việc làm và khung năng lực tương ứng trong các cơ quan UBND cấp huyện. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: 10/10 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh đã được phê duyệt vị trí việc làm¹¹; 696 đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện đã được phê duyệt vị trí việc làm.

Công tác bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được UBND tỉnh triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy định. Về cơ bản, đội ngũ công chức, viên chức có trình độ chuyên môn phù hợp với khung năng lực của vị trí việc làm và được sắp xếp, bố trí theo vị trí việc làm.

b) Việc bố trí CBCC cấp xã đạt chuẩn theo quy định hiện hành; bố trí số lượng, chức danh CBCC cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; bố trí số lượng, chức danh cán bộ ở thôn, tổ dân phố:

- Về bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, trong đó, số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí cụ thể theo từng chức danh theo phân loại xã.

- Về số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố: HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 258/2020/NQ-HĐND ngày 20/8/2020 quy định số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố. So với quy định của Trung ương thì tỉnh Hà Tĩnh quy định số lượng ít hơn, cụ thể: người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tối đa không quá 09 người; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố không quá 02 người.

2.4.2. Công tác tuyển dụng công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện; công chức cấp xã:

a) Việc ban hành các chính sách và đổi mới trong công tác tuyển dụng

Công tác quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh ngày càng chặt chẽ, đi vào nề nếp. Các văn bản quy định về phân cấp

⁹ Bộ Nội vụ đã thẩm định 397 vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính nhà nước; trình thẩm định 18.541 VTVL và 28.035 người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

¹⁰ Các sở, ngành: còn Sở Y tế và Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đang trình thẩm định Đề án VTVL

¹¹ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh; Trường Đại học Hà Tĩnh, Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh; Trường Cao đẳng Nguyễn Du, Trường Cao đẳng Việt Đức, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Ban Quản lý mỏ sắt thạch khê

thẩm quyền đã được ban hành để tăng tính chủ động và phát huy trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong tuyển dụng, quản lý và thực hiện chế độ chính sách đối với CBCCVV.

b) Kết quả tuyển dụng

- Tuyển dụng công chức:

Năm 2016, tỉnh đã tổ chức thi tuyển và tuyển dụng được 38 công chức; từ năm 2017 đến nay, tuy chưa thực hiện tổ chức thi tuyển công chức, nhưng UBND tỉnh đã thực hiện tuyển dụng vào công chức không qua thi theo hình thức tuyển dụng, tiếp nhận 220 người có kinh nghiệm để bổ sung đội ngũ công chức cho toàn tỉnh theo các quy định của Trung ương. Riêng trong 02 năm 2020, 2021 đã tuyển dụng được 141 công chức (trong đó thu hút theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP được 21 công chức là sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ) vào làm việc tại các sở, ngành, địa phương.

- Tuyển dụng viên chức:

Thực hiện các quy định của pháp luật về tuyển dụng viên chức, từ năm 2008 đến nay, UBND tỉnh đã ban hành quy định phân cấp cho các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức thực hiện tuyển dụng viên chức. Việc phân cấp trong tuyển dụng viên chức đã tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động trong công tác tổ chức thực hiện. Từ năm 2016 đến nay, các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã đã tổ chức tuyển dụng được 4.499 viên chức.

- Tuyển dụng công chức cấp xã:

Thực hiện các quy định của pháp luật về tuyển dụng công chức cấp xã, UBND tỉnh đã ban hành quy định phân cấp cho UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức thực hiện tuyển dụng công chức cấp xã. Việc phân cấp trong tuyển dụng công chức cấp xã đã tạo điều kiện cho các địa phương chủ động trong công tác tổ chức thực hiện. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 về Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Từ năm 2016-2021, đã tuyển dụng 188 công chức cấp xã. Hiện nay, UBND các huyện, thành phố, thị xã đang tổ chức việc tuyển dụng 171 chỉ tiêu công chức cấp xã.

2.4.3. Công tác thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức

Công tác thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức được thực hiện theo đúng quy định của Trung ương và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Năm 2019, tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính từ chuyên viên lên chuyên viên chính (kết quả có 125 công chức và 12 viên chức trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng lên chuyên viên chính). Năm 2020, tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức hành chính từ cán sự lên chuyên viên, từ chuyên viên lên chuyên viên chính (kết quả có 30 công chức trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch lên chuyên viên, có 70 công chức trúng tuyển trong kỳ

thi nâng ngạch lên chuyên viên chính); tổ chức kỳ thi thăng hạng giáo viên trung học phổ thông từ hạng III lên hạng II, giáo viên THCS từ hạng II lên hạng I (Kết quả có 321 giáo viên THPT trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng lên giáo viên THPT hạng II và 86 giáo viên THCS trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng lên giáo viên THCS hạng I); tổ chức kỳ xét thăng hạng viên chức y tế từ hạng III lên hạng II (kết quả có 03 viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng).

2.4.4. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vị trí lãnh đạo tại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Công tác quy hoạch cán bộ được cấp ủy các cơ quan, đơn vị quan tâm triển khai nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo chất lượng. Số lượng cán bộ được quy hoạch vào mỗi chức danh đảm bảo quy định. Cơ bản các quy hoạch đảm bảo về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, về 03 độ tuổi, tính “động” và “mở” trong quy hoạch. Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình, định kỳ hàng năm tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, trong đó quan tâm việc quy hoạch cán bộ nữ, cán bộ trẻ.

Nhiều cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng và thực hiện khá tốt công tác quy hoạch các chức danh cán bộ theo thẩm quyền phân cấp, đảm bảo quy trình, quy định; thực hiện tốt việc phối hợp để xác nhận quy hoạch cán bộ thuộc ngành quản lý. Cán bộ đưa vào quy hoạch các chức danh cơ bản đảm bảo tiêu chuẩn, số lượng và tình hình thực trạng đội ngũ cán bộ của đơn vị. Số lượng cán bộ dự nguồn ở mỗi chức danh đáp ứng yêu cầu và ngày càng được trẻ hóa.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của UBND tỉnh, các sở, ngành, UBND cấp huyện được thực hiện theo quy định tại các văn bản của Trung ương, của tỉnh. Các nhân sự được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo đúng quy trình, thủ tục, thẩm quyền và đáp ứng công việc theo yêu cầu.

2.4.5. Công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức

a) Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao

Công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức được UBND tỉnh đặc biệt quan tâm, đã ban hành văn bản hướng dẫn, phân cấp thẩm quyền đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức cho các cơ quan, đơn vị và địa phương, xem đây là tiêu chí để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

Công tác theo dõi, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức luôn được chú trọng, có sự đổi mới, từng bước đi vào thực chất. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương tiến hành bố trí, sắp xếp lại cho phù hợp với vị trí việc làm, sở trường công tác, trường hợp cán bộ, công chức, viên chức không đảm bảo điều kiện sẽ thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

b) Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ của cán bộ, công chức, viên chức

UBND tỉnh ban hành các văn bản để tăng cường xiết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức¹², từ đó đã tạo được những chuyển biến cơ bản, cán bộ, công chức, viên chức chấp hành nghiêm túc kỷ cương, kỷ luật hành chính, tình trạng đi muộn, về sớm, làm việc riêng, ăn sáng, uống café trong giờ làm việc, uống rượu bia trong giờ hành chính và buổi trưa các ngày làm việc đã được giảm đáng kể; tinh thần, thái độ làm việc tận tụy, nghiêm túc, trách nhiệm; về trang phục của cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành nhiệm vụ đảm bảo gọn gàng, lịch sự, phù hợp với tính chất công việc.

2.4.6. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

a) Việc ban hành các chính sách trong công tác đào tạo, bồi dưỡng

Năm 2017, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh¹³, tuy đã góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh nhưng công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao chủ yếu tập trung trong ngành y; chưa thu hút được đội ngũ Giáo sư, Phó Giáo sư, những người có tài năng, năng khiếu đặc biệt, đối tượng thuộc các ngành nghề, lĩnh vực tỉnh thiếu và có một số nội dung không còn phù hợp với các quy định của Chính phủ hiện hành về tuyển dụng.

Để tiếp tục xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của tỉnh, nhằm hỗ trợ đào tạo, thu hút được nguồn lực chất lượng cao trên các lĩnh vực tỉnh cần, khen thưởng kịp thời cho các đối tượng vì sự phát triển chung của tỉnh, ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh đã thông qua Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND, quy định chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025.

b) Đổi mới trong công tác đào tạo, bồi dưỡng

Nhìn chung, công tác đào tạo, bồi dưỡng đã góp phần nâng cao mặt bằng chung về năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức, từng bước khắc phục các thiếu hụt kiến thức về quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị; trang bị kiến thức và kỹ năng hoạt động thực thi công vụ chuyên sâu theo chức danh, bám sát kế hoạch đào tạo và công tác quy hoạch cán bộ, góp phần phát huy hiệu quả bền vững cho công tác đào tạo, bồi dưỡng. Nhờ đó, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (nhất là cán bộ chủ chốt) ở các cơ quan, đơn vị, địa phương có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được nâng cao, thực hiện tốt các yêu cầu cao của UBND tỉnh và hội nhập quốc tế.

¹² Quyết định số 31/2012/QĐ-UBND ngày 6/7/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong tiệc cưới, việc tang, lễ hội và tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống, đón nhận các danh hiệu thi đua trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 22/1/2013 của UBND tỉnh sửa đổi bổ sung Quyết định số 31/2012/QĐ-UBND; Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế văn hóa công vụ tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

¹³ Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng không ngừng được đổi mới, đa dạng về hình thức, cập nhật nội dung từ thực tiễn yêu cầu và từng bước xây dựng, hoàn thiện quy chế. Để đảm bảo triển khai thực hiện đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo quy định pháp luật hiện hành và thống nhất trong việc quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh uỷ để tham mưu dự thảo Quy chế đào tạo, bồi dưỡng chung của tỉnh.

c) Kết quả đào tạo, bồi dưỡng

Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng đồng bộ về lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước, lãnh đạo cấp phòng và chuyên môn, nghiệp vụ, đẩy mạnh đào tạo và duy trì nguồn nhân lực cho hội nhập kinh tế quốc tế¹⁴. Bên cạnh đó, UBND đã tinh cử cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo các đoàn do Bộ, ngành, cơ quan trung ương tổ chức tham quan, khảo sát, nghiên cứu thực tế, học tập ngắn ngày nhằm nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

2.4.7. Kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế

Thực hiện các Nghị định của Chính phủ: số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 về tinh giản biên chế, UBND tỉnh đã giao các đơn vị có liên quan thẩm định hồ sơ của các đối tượng theo từng tháng, từ năm 2016 đến năm 2021 tỉnh đã giải quyết chế độ tinh giản biên chế cho 1.627 đối tượng.

¹⁴ Bồi dưỡng về lý luận chính trị: nhằm trang bị trình độ lý luận chính trị theo tiêu chuẩn quy định cho các chức danh cán bộ, ngạch công chức và chức danh lãnh đạo quản lý; bồi dưỡng, cập nhật, nâng cao trình độ lý luận theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, các đơn vị, địa phương đã đề nghị cấp có thẩm quyền cử đi bồi dưỡng Cao cấp lý luận chính trị/lý luận chính trị - hành chính cho 625 người; phối hợp với Trường Chính trị Trần Phú tỉnh, các Trung tâm giáo dục bồi dưỡng chính trị huyện bồi dưỡng lý luận chính trị cho 4.271 cán bộ, công chức, viên chức.

Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước: Cử 14 chuyên viên chính là lãnh đạo các sở, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện đi bồi dưỡng kiến thức QLNN chương trình chuyên viên cao cấp tại Học viện Chính trị Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh; phối hợp với Trường Chính trị Trần Phú tổ chức 13 lớp chuyên viên chính cho 769 cán bộ, công chức, viên chức và 57 lớp chuyên viên cho 3.820 cán bộ, công chức, viên chức và công chức cấp xã; cử 1.321 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn ngắn ngày kiến thức QLNN cho trên 8.704 cán bộ, công chức, viên chức theo từng chuyên đề thiết thực phục vụ tốt cho công tác cải cách hành chính.

Bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng và chuyên môn, nghiệp vụ: phối hợp mở 6 lớp cho 480 cán bộ, công chức Trưởng, phó phòng cấp tỉnh, cấp huyện theo chương trình mới của Bộ Nội vụ; 10 lớp bồi dưỡng kỹ năng hành chính cho 800 công chức, viên chức; tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác tổ chức nhà nước, thanh tra, công tác thanh niên cho 200 công chức làm công tác tổ chức của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, thành phố, thị xã; cử 4.559 lượt CBCCVC đi bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ do các Bộ, ngành tổ chức; phối hợp tổ chức 32 lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho 7.015 cán bộ, công chức cấp xã theo từng chức danh và cập nhật kiến thức chỉ đạo, điều hành và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp xã sau đại hội Đảng nhiệm kỳ 2015-2020; 119 lớp Bồi dưỡng, tập huấn, chính huấn cho 9.107 cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện, xã về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm, CNTT và xây dựng Nông thôn mới.

Đẩy mạnh đào tạo và duy trì nguồn nhân lực cho hội nhập kinh tế quốc tế, có trình độ, có kinh nghiệm và đảm bảo tính kế thừa; xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo riêng cho cán bộ làm công tác liên quan trực tiếp đến hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện Đề án “Đào tạo kiến thức hội nhập cho cán bộ, công chức, viên chức trẻ” do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV tài trợ trong 2 năm 2016-2017; Sở Nội vụ đã tổ chức 02 lớp bồi dưỡng Kiến thức hội nhập với các nội dung: Ngoại ngữ, Kinh tế thị trường, Kỹ năng Quản trị, Văn hóa Lịch sử... cho 104 cán bộ, công chức, viên chức trẻ dưới 40 tuổi của tỉnh; mở 05 lớp tiếng Anh cho 150 công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

Ngoài các quy định của Trung ương, HĐND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết sau để khuyến khích, vận động các đối tượng đủ điều kiện nghỉ tinh giản biên chế: số 94/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 về một số chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế ngành y tế Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo; số 96/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 về phát triển giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo; số 164/2019/NQ-HĐND ngày 20/8/2019 về một số chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2021 và số 197/2020/NQ-HĐND ngày 24/3/2020 về một số chính sách hỗ trợ đối với Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an và Công an viên thường trực xã, thị trấn nghỉ việc để bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã, thị trấn. Từ khi ban hành cho đến nay, đã giải quyết được chế độ tinh giản cho 2.062 đối tượng, trong đó: 656 cán bộ, công chức, viên chức và 1.406 người hoạt động không chuyên trách cấp xã và hợp đồng lao động.

2.5. Cải cách tài chính công

2.5.1. Về thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền địa phương

- Về cơ bản phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017-2021 phù hợp với quy định của Luật ngân sách nhà nước.

- Giai đoạn 2016-2021, thực hiện sắp xếp, sáp nhập các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ-TW và Nghị quyết số 19-NQ-TW, toàn tỉnh đã sắp xếp, sáp nhập 137 cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập (trong đó, cơ quan hành chính nhà nước: 51 đơn vị; đơn vị sự nghiệp công lập: 86 đơn vị); tiết kiệm chi thường xuyên 9.736 triệu đồng.

2.5.2. Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội:

- Về thuế, hải quan: tích cực theo dõi sát diễn biến thu ngân sách hàng tháng, quý, năm, trên cơ sở đó phối hợp chặt chẽ với Cục Thuế và cơ quan liên quan đề xuất các biện pháp cụ thể, phù hợp để UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo công tác thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn tỉnh. Chỉ tính riêng giai đoạn 2016-2021, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh là 134.306 tỷ đồng, tăng 127,3% so với cùng kỳ giai đoạn 2011-2015; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính về thuế, hải quan hướng tới hải quan số trên cơ sở ứng dụng những thành tựu mới về công nghệ 4.0; đẩy mạnh tự động hóa quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính thuế, góp phần giảm thiểu chi phí cho người nộp thuế.

- Về chính sách an sinh xã hội: Bên cạnh các chính sách an sinh xã hội của Trung ương ban hành, giai đoạn 2016-2021, UBND tỉnh đã trình ban hành 16 chính sách an sinh xã hội của tỉnh với tổng kinh phí 764.984 triệu đồng.

2.5.3. Thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước của tỉnh:

- Giai đoạn 2016-2021, thực hiện hoàn thành cổ phần hóa theo đúng lộ trình và chuyển đổi Công ty TNHH một thành viên đăng kiểm phương tiện GTVT Hà Tĩnh thành Công ty cổ phần.

- Về công tác thoái vốn giai đoạn 2016-2021: đã thực hiện thoái vốn tại 03 đơn vị trong đó Công ty CP Môi trường Đô thị Hồng Lĩnh và Công ty CP quản lý và Xây dựng công trình giao thông Hà Tĩnh đã thực hiện theo đúng lộ trình còn Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Hà Tĩnh mới chỉ thực hiện được một phần (đã bán được 115.500 cổ phiếu/4.858.600 cổ phiếu chào bán).

- Giám sát tài chính 10 doanh nghiệp nhà nước do tỉnh làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc tỉnh, gồm: 05 Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; 03 Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; 02 Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ.

2.5.4. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập:

- Việc thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập đạt nhiều kết quả tích cực; so sánh tăng giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ của các đơn vị, địa phương năm 2021 so với năm 2015 cho thấy, số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên tăng 34 đơn vị; số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên tăng 40 đơn vị; số lượng đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên giảm 75 đơn vị.

- Về thực hiện tự chủ tại các cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập, đến năm 2021 toàn tỉnh đã giao tự chủ cho 276/276 cơ quan, đạt 100% theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ, trong đó: cấp tỉnh: 47 đơn vị; cấp huyện: 13 đơn vị; cấp xã: 216 đơn vị; đã giao tự chủ cho 813/813 đơn vị sự nghiệp công lập, đạt 100% theo Nghị định 16/2016/NĐ-CP ngày 14/2/2015, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ, trong đó: cấp tỉnh: 123 đơn vị; cấp huyện: 690 đơn vị.

2.5.5. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công:

- Công tác quản lý nhà nước về tài sản công đã được thực hiện một cách có hệ thống cả về số lượng và giá trị. Thường xuyên rà soát, nắm bắt tình hình biến động tài sản của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp; chỉ đạo xử lý đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ.

- Công tác quản lý tài sản công tại các cơ quan đơn vị đã thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật; cơ bản các đơn vị được giao quản lý tài sản công đều sử dụng đúng mục đích, đúng công năng; thẩm quyền xử lý được thực hiện đúng theo phân cấp của Nghị quyết 114/2018/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh; công tác cập nhật, báo cáo được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

2.6. Về hiện đại hóa hành chính

2.6.1. Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương

a) Về phát triển cơ sở hạ tầng CNTT, hạ tầng mạng:

So với năm 2016, đến nay, hạ tầng CNTT đã có những bước nhảy vọt, quá trình đầu tư, xây dựng hệ thống mạng, Internet, đường truyền chuyên dụng đã thực sự đẩy nhanh quá trình ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh. Cơ sở hạ tầng thông tin trên địa bàn tỉnh đã từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH, nhu cầu của các cơ quan, doanh nghiệp và Nhân dân¹⁵.

Hiện nay, tỉnh đang tiếp tục nâng cấp Trung tâm dữ liệu theo công nghệ mới, đáp ứng yêu cầu xây dựng, vận hành Chính quyền điện tử các cấp, đồng thời phát triển các dịch vụ về công nghệ thông tin trên địa bàn hướng tới Chính quyền số, kinh tế số.

b) Về xây dựng cơ sở dữ liệu và xây dựng nền tảng dữ liệu của tỉnh:

- Việc điều hành, tác nghiệp được nâng lên một bước về tính đồng bộ và hiệu quả ứng dụng. Các hệ thống thông tin hỗ trợ điều hành tác nghiệp, ý kiến chỉ đạo, gửi nhận văn bản, tác nghiệp nội bộ, thư điện tử phát huy hiệu quả. Hệ thống gửi nhận văn bản điện tử, chữ ký số được ứng dụng đồng bộ và hiệu quả từ cấp tỉnh đến cấp xã. Đạt tỷ lệ 100% đối với các nội dung: ứng dụng chữ ký số trong giao dịch điện tử, văn bản điện tử của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (năm 2015: bắt đầu triển khai ứng dụng chữ ký số đối với cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, chưa triển khai chữ ký số cá nhân đối với lãnh đạo các cơ quan); Văn bản, tài liệu chính thức giữa cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử (tăng 10% so với năm 2016¹⁶). Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử của UBND cấp xã với các cơ quan cấp tỉnh và huyện đạt 95% (tăng 60% so với năm 2016¹⁷).

- Việc ứng dụng CNTT trong các CQNN cấp huyện đã có chuyển biến mạnh mẽ so với năm 2015. 100% các huyện đã có Trung tâm Hành chính công

¹⁵ Tất cả các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đã được trang bị máy tính, kết nối Internet. 100% CBCC cấp tỉnh, cấp huyện, 95% CBCC cấp xã được trang bị máy tính (tăng 25% so với năm 2016¹⁵). 100% cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, 92% cơ quan hành chính nhà nước cấp huyện có máy chủ, tỉnh có Trung tâm THDL được xây dựng từ Đề án 112, đến nay đã được nâng cấp bổ sung nhiều lần song quy mô còn nhỏ, công nghệ hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức quản lý tập trung các hệ tổng thông tin, CSDL dùng chung toàn tỉnh. Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện có hạ tầng an toàn thông tin, đáp ứng được yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin trong tình hình mới đạt 75% (tăng 40% so với năm 2015). Mạng lưới truyền dẫn, mạng chuyên dùng, internet băng thông rộng đã đáp ứng đủ 100% đơn vị hành chính trong toàn tỉnh, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu kết nối của cơ quan, doanh nghiệp và người dân.

¹⁶ Theo Báo cáo tổng kết hoạt động của BCĐ CNTT tỉnh năm 2016.

¹⁷ Theo Báo cáo tổng kết hoạt động của BCĐ CNTT tỉnh năm 2016.

và ứng dụng phần mềm quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ công hiệu quả, góp phần hỗ trợ người dân, doanh nghiệp.

- Hệ thống Hội nghị trực tuyến đã được triển khai tại Văn phòng UBND tỉnh và 13 huyện, thành phố, thị xã. Tính đến năm 2020, một số địa phương triển khai thí điểm hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã (huyện Nghi Xuân, thị xã Kỳ Anh).

- Về hệ thống CSDL: 100% các CQNN có các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác QLNN của các ngành, địa phương (tăng 20% so với năm 2016¹⁸), 100% UBND cấp huyện ứng dụng các hệ thống phần mềm chuyên ngành cho các lĩnh vực (quản lý tài chính, tài sản công; quản lý CBCC, quản lý tài nguyên, quản lý bản đồ địa chính, quản lý giáo dục, quản lý xây dựng, quy hoạch đô thị, quản lý đối tượng, chính sách người có công, ...).

c) Về đảm bảo an toàn thông tin mạng:

- Công tác ban hành văn bản và chỉ đạo bảo đảm an toàn thông tin trong những năm qua được thực hiện thường xuyên và khá hiệu quả¹⁹. Việc kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin tại các đơn vị được thực hiện lồng ghép trong kế hoạch kiểm tra ứng dụng CNTT của các cơ quan, đơn vị hàng năm.

- Đơn vị thường trực ứng cứu sự cố an toàn thông tin của tỉnh tham gia đầy đủ, phối hợp tốt trong các chương trình huấn luyện, diễn tập quốc gia, tham gia đầy đủ các cuộc diễn tập, huấn luyện quy mô quốc gia do các đơn vị chuyên trách về ATTT quốc gia tổ chức, tham gia diễn tập khu vực châu Á hàng năm, Asean-Japan do VNCERT chủ trì; tham gia diễn tập An toàn thông tin mạng Whitehat Drill 05 do Cục an toàn thông tin và công ty BKAV tổ chức, tổng kết Hà Tĩnh xếp trong top đầu về điểm, xếp thứ 08/63 đội về thời gian.

- Công tác cảnh báo, phòng chống tấn công mạng vào các hệ thống thông tin do cơ quan quản lý trong những năm qua đã được đơn vị đầu mối, thường trực thực hiện tốt việc cảnh báo, cung cấp thông tin, bố trí cán bộ thường trực trong tất cả các ngày nghỉ, lễ, tiếp nhận và xử lý thông tin hỗ trợ các đơn vị.

d) Về phát triển nguồn nhân lực

Việc phát triển nguồn nhân lực cơ bản được thường xuyên triển khai bằng nhiều kênh khác nhau, trong đó tập trung chính từ 03 kênh cơ bản: từ các chương trình, dự án theo kế hoạch hàng năm; đào tạo theo các ngành dọc từ Trung ương đến địa phương và nguồn đào tạo từ các trường và trong xã hội²⁰.

¹⁸ Số liệu thực tế năm 2016.

¹⁹ Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 16/9/2013 về quy chế đảm bảo an toàn thông tin trong quản lý, vận hành và khai thác các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 2421/QĐ-UBND về việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin tỉnh và giao Đơn vị chuyên trách ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 13/8/2020 về việc tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Kế hoạch số 256/KH-UBND ngày 03/08/2018 về việc bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2018-2020; ...

²⁰ So với năm 2016, nhân lực CNTT được bổ sung và đào tạo nâng cao đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng tốt hơn. Các chương trình, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho cán bộ CNTT được chú trọng. Đến nay, đã có 63 cán bộ chuyên trách tại cấp Sở, cấp huyện (tăng 10 cán bộ so với năm 2016²⁰), 216 cán bộ cấp xã (tăng 20 cán bộ

2.6.2. Kết quả ứng dụng CNTT trong giao dịch, trao đổi giữa cơ quan quản lý nhà nước với người dân, doanh nghiệp, trong việc cung cấp dịch vụ công (DVC)

Việc triển khai các giải pháp nhằm đáp ứng rộng rãi CNTT phục vụ người dân, doanh nghiệp được quan tâm, có những bước tăng trưởng vượt bậc, từng bước đáp ứng yêu cầu CCHC, phục vụ quá trình xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh²¹.

2.6.3. Kết quả xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước

Giai đoạn 2016-2021, lĩnh vực áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 được đẩy mạnh mở rộng xây dựng và áp dụng nhiều hơn so với giai đoạn 2011-2015²²; chất lượng Hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan, đơn vị được xây dựng cơ bản thống nhất, đồng bộ, chú trọng thực chất thay vì hình thức đối phó như trước đây²³.

so với năm 2016²⁰) trong đó có 12 thạc sỹ CNTT và 52 Đại học CNTT trong đó có 17 cán bộ chuyên trách CNTT cấp tỉnh, 10 cán bộ chuyên trách CNTT cấp huyện và 170 cán bộ chuyên trách CNTT cấp xã đủ điều kiện được hưởng chế độ đặc thù.

100% cán bộ công chức cấp tỉnh, cấp huyện có kỹ năng ứng dụng máy tính, các phần mềm phục vụ công vụ; trên 93% công chức cấp xã đã được đào tạo kỹ năng ứng dụng tin học (tăng 8% so với năm 2015²⁰), tuy nhiên mới chỉ hơn 85% công chức cấp xã có kỹ năng ứng dụng tốt các phần mềm bảo đảm nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ thường xuyên. Tính từ giai đoạn 2016-2020 đã tập huấn cho hơn 2.000 cán bộ công chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

²¹ - 100% các sở ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có Cổng/ trang thông tin điện tử (tăng 97,7% so với năm 2016²¹), thông tin được cập nhật liên tục, hiệu quả, tích hợp Cổng dịch vụ công của tỉnh; chuyên mục Doanh nghiệp hỏi - Cơ quan nhà nước trả lời được đưa vào hoạt động và phát huy hiệu quả. Việc công khai minh bạch các nhóm thông tin theo Quyết định 739/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 của UBND tỉnh đã được các cơ quan, địa phương quan tâm triển khai.

- Về Sàn giao dịch TMĐT tỉnh: hiện Sàn đã được đầu tư nâng cấp lên phiên bản mới để đáp ứng nhu cầu giao dịch, với 556 doanh nghiệp/htx đăng ký làm thành viên (tăng hơn 325 doanh nghiệp so với năm 2014 - năm 2014 Sàn TMĐT chính thức chuyển về Sở TT&TT quản lý), duy trì xử lý chào mua - chào bán cho 200 sản phẩm/504 sản phẩm hiện có và 236 gian hàng, tăng số lượng chào mua, chào bán trực tuyến trên Sàn, số lần đăng nhập thành viên vào hệ thống lên 47.770 lượt. Trong đó các sản phẩm được đăng tải chủ yếu là các sản phẩm thế mạnh của tỉnh: sản phẩm nông lâm ngư nghiệp... Số lượt khách truy cập trên ngày một tăng. Các sản phẩm được truy cập nhiều nhất: các sản phẩm tiêu biểu của tỉnh như cam Khe mây, bưởi Phúc Trạch, cu đơ Hà Tĩnh...

²² Theo báo cáo, năm 2015 toàn tỉnh mới có 70 cơ quan, đơn vị áp dụng thì đến nay số lượng cơ quan, đơn vị áp dụng là 300 (gấp 4 lần), đối tượng áp dụng hệ thống giai đoạn 2011-2015 là các cơ quan HCNN cấp tỉnh, cơ quan HCNN cấp II, cơ quan HCNN cấp huyện và một số ít UBND cấp xã (19 đơn vị ~ 9%), chưa triển khai xây dựng tại các đơn vị sự nghiệp công lập, chưa xây dựng tại các đơn vị trường học, bệnh viện thì giai đoạn 2016-2020 đã triển khai tại 201 xã (93%, tăng hơn 10 lần), 38 đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, 11 bệnh viện công lập (đạt 85%) và 05 đơn vị trường học, 01 đơn vị sự nghiệp cấp huyện. So sánh với các mục tiêu, chỉ tiêu theo Kế hoạch 239/KH-UBND ngày 29/7/2016 về đối tượng áp dụng đạt kế hoạch đề ra, về số lượng cơ quan áp dụng thì tỷ lệ khối các cơ quan trường học và khối các đơn vị sự nghiệp cấp huyện còn khiêm tốn, định hướng thời gian tới cần tiếp tục đẩy mạnh áp dụng ở khối các cơ quan này.

²³ Giai đoạn 2011-2015, việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đối với các hoạt động liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính còn hình thức và chưa đảm bảo 100% thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định 19/2014/QĐ-TTg. Từ năm 2019, thực hiện Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, tỉnh ta đã thực hiện chuẩn hóa tất cả các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, xã, thủ tục hành chính liên thông trên tất cả lĩnh vực thành quy trình nội bộ thủ tục hành chính. Trong 3 năm 2019-2021, UBND tỉnh đã ban hành 130 Quyết định công bố danh mục và quy trình nội bộ cho hơn 1700 TTHC đáp ứng yêu

Về phiên bản áp dụng hệ thống: giai đoạn 2018-2021, UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện chuyển đổi từ phiên bản cũ TCVN ISO 9001:2008 sang phiên bản TCVN ISO 9001:2015, kết quả đã thực hiện chuyển đổi áp dụng tại 124 cơ quan, đơn vị và xây dựng mới hệ thống đối với 176 cơ quan, đơn vị (gần gấp 03 lần kết quả triển khai giai đoạn 2011-2015).

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN:

1. Tồn tại, hạn chế:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo CCHC ở một số đơn vị, địa phương chưa thực sự quyết liệt, người đứng đầu còn thiếu sự quyết tâm và chủ động trong thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Nhiều nơi cấp ủy chưa có văn bản lãnh đạo, quán triệt về công tác CCHC. Kế hoạch CCHC hàng năm của một số đơn vị, địa phương chưa đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.

- Triển khai, thực hiện Đề án đổi mới phương thức hoạt động của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh²⁴ ở một số đơn vị chưa sát thực tế, chuyển biến chậm; tình trạng hội họp còn nhiều, chất lượng một số cuộc họp chưa cao; phương thức lãnh đạo, chỉ đạo chưa thực sự tạo nên bước đột phá để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

- Chất lượng của một số văn bản QPPL chưa cao, có nội dung còn hạn chế, sai sót, việc rà soát, sửa đổi, hoàn thiện chưa kịp thời dẫn đến vướng mắc trong triển khai, thực hiện²⁵. Theo dõi thi hành pháp luật một số nơi chưa thực sự hiệu quả.

- Việc giải quyết TTHC ở một số lĩnh vực, một số đơn vị chưa đúng quy định (thời điểm trước năm 2017 vẫn còn tình trạng một số nơi không có phiếu hẹn trả kết quả hoặc phiếu hẹn trả sai quy định; không có phiếu kiểm soát giải quyết TTHC...). Vẫn còn tình trạng chậm trễ trong giải quyết hồ sơ TTHC. Cơ sở vật chất tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nhìn chung còn thiếu, trang thiết bị đã cũ, lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động, có xã chưa bố trí được nơi riêng biệt hoặc bố trí nhưng ở vị trí không thuận lợi cho người dân, tổ chức đến giao dịch dẫn đến những hạn chế trong quá trình theo dõi, kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC. Sự phối hợp trong thực hiện cơ chế một cửa liên thông giữa Bộ phận “Một cửa” các cấp với một số cơ quan ngành dọc còn gặp khó khăn. Một số TTHC liên thông thực hiện không đảm bảo chất lượng,

cầu về kiểm soát, công bố, công khai thủ tục hành chính vừa đáp ứng yêu cầu của TCVN ISO 9001:2015, 100% quy trình đã được điện tử hóa thực hiện trên phần mềm dịch vụ công của tỉnh, nâng cao mức độ chuẩn hóa các quy trình khi đưa vào áp dụng, tạo sự thống nhất đồng bộ hệ thống tại các cơ quan trên toàn tỉnh; khắc phục được hạn chế mỗi cơ quan phải xây dựng một bộ quy trình, tăng hiệu quả áp dụng và tuân thủ của cán bộ công chức, tăng cường khả năng giám sát của UBND tỉnh, Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị đối với công tác giải quyết TTHC. Nếu so sánh với cấu trúc Hệ thống theo Mô hình khung TCVN ISO 9001:2015 thì HTQLCL tại các cơ quan đơn vị trên địa bàn có 2/3 tương đồng với nhau, chỉ khác nhau về phần quy trình nội bộ, thời gian tới việc rà soát, chuẩn hóa các hoạt động nội bộ này để tạo sự thống nhất trong việc thực hiện trên địa bàn tỉnh là rất cần thiết và phù hợp với thực tiễn.

²⁴ (ban hành kèm theo Quyết định số 3713/QĐ-UBND ngày 25/11/2013 của UBND tỉnh)

²⁵ Tính dự báo chưa cao; chưa tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu tác động của văn bản, thời gian lấy ý kiến còn ngắn, chưa đăng tải dự thảo đề lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh...

gây phiền hà, kéo dài thời gian, quá hạn do quá trình phối hợp, phân kỳ thời gian giải quyết giữa cơ quan Trung ương trên địa bàn với địa phương còn vướng mắc. Hiện nay, số lượng thủ tục giữa các cơ quan, đơn vị nhà nước với nhau khá nhiều, nhưng chưa được rà soát chuẩn hóa, công khai để thực hiện.

- Việc phân công, phân cấp, phân quyền giữa các ngành, các cấp và trong một số cơ quan, tổ chức, một số lĩnh vực chưa hợp lý dẫn đến hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy có một số nội dung triển khai nhưng chưa bảo đảm theo lộ trình đề ra do Trung ương chưa kịp thời ban hành Thông tư hướng dẫn. Một số đơn vị sau khi tổ chức lại chưa thực sự đổi mới cơ chế hoạt động. Sắp xếp tổ chức bộ máy một số nơi chưa gắn với tinh giản biên chế, cá biệt còn sáp nhập theo tính cơ học. Vị trí việc làm nhóm hỗ trợ phục vụ nhiều, phân tán, nhất là các sở, ngành nhiều đơn vị trực thuộc. Tình trạng số lượng cấp phó dồi dào do sáp nhập, tổ chức lại các tổ chức, đơn vị và luân chuyển, điều động, bổ nhiệm chưa hợp lý. Điều kiện cơ sở vật chất của một số thôn, tổ dân phố sau khi sáp nhập còn khó khăn. Vẫn còn đơn vị hành chính cấp xã, thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo quy định hiện hành.

- Chất lượng một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, chất lượng kỹ năng nghiệp vụ hành chính, trình độ ngoại ngữ, khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, hội nhập còn hạn chế. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tuy có được tăng cường về số lượng, nâng lên về trình độ bằng cấp, chứng chỉ nhưng chất lượng thật sự chưa tương xứng. Tình trạng thiếu cán bộ, công chức, viên chức xảy ra ở một số nơi, nhất là viên chức ngành giáo dục, còn tình trạng thừa, thiếu cục bộ; sự liên thông giữa các cấp, các ngành còn hạn chế. Thiếu những cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhà khoa học và chuyên gia giỏi trên một số lĩnh vực mà tỉnh cần. Một bộ phận CBCCVC ý thức trách nhiệm, năng lực làm việc còn hạn chế, cá biệt một số CBCCVC năng lực yếu, không đáp ứng yêu cầu công việc, tình trạng này tồn tại trong từng cơ quan, đơn vị do lịch sử để lại nhưng chưa thực hiện tinh giản được. Việc tuyển dụng viên chức ở một số địa phương thực hiện chưa tốt, còn dễ xảy ra sai phạm trong quá trình tuyển dụng.

- Việc thực hiện tự chủ tài chính có nơi chưa thực sự hiệu quả, việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ ở một số đơn vị chất lượng hạn chế, chưa cập nhật đầy đủ các quy định hiện hành; việc phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên đối với các đơn vị tự bảo đảm một phần kinh phí và đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động còn mang tính bình quân, chưa thực sự gắn kết giữa giao nhiệm vụ, giao biên chế và giao kinh phí nên vẫn còn tình trạng trông chờ, ỷ lại vào kinh phí của nhà nước. Đối với các đơn vị sự nghiệp, mức thu các loại phí, giá dịch vụ chưa tính đủ các yếu tố chi phí nên hạn chế các đơn vị đầu tư mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ, chưa khuyến khích được xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, môi trường.

- Kết quả đánh giá hiện đại hóa và xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh trong những năm vừa qua luôn biến động, thiếu ổn định và có xu hướng giảm so với các tỉnh thành phố trong cả nước. Tiến độ triển khai chính quyền điện tử các

cấp còn chậm, các phần mềm ứng dụng phần lớn triển khai độc lập, mức độ liên thông rất yếu. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu. Cơ sở dữ liệu tập trung chưa hoàn thiện. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị hiện vẫn còn thiếu, đặc biệt là thiếu cán bộ công nghệ thông tin có trình độ cao về bảo mật và an ninh mạng. Hệ thống Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hầu hết chưa có phương tiện tiếp nhận ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của người dân, chưa có trang thiết bị dành riêng hỗ trợ người dân số hóa hồ sơ để nộp trực tuyến. Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đã được triển khai, công bố, công khai song số lượng hồ sơ nộp trực tuyến mức độ 3 và 4 chưa cao.

- Chất lượng xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 tại một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế đang hình thức, đối phó hiệu quả mang lại không cao. Các hoạt động nội bộ, hoạt động điều hành tại các cơ quan, đơn vị tuy đã được rà soát xây dựng quy trình tuy nhiên số lượng quy trình được xây dựng chưa nhiều, chất lượng quy trình còn hạn chế, chưa bám sát quy định và thực tế hoạt động nên hiệu quả áp dụng quy trình chưa cao. Tỷ lệ các Trường học, đơn vị sự nghiệp cấp huyện áp dụng còn rất khiêm tốn.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương chưa cụ thể và thống nhất, có nội dung còn bất cập, chồng chéo nên gây khó khăn cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện. Hệ thống văn bản cụ thể hóa để thực hiện các Nghị quyết, Kết luận, Thông báo của Trung ương chậm được ban hành, đặc biệt là quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức, sắp xếp tổ chức. Một số Luật, Nghị định và các văn bản hướng dẫn còn bất cập, có nội dung thiếu thống nhất nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản thay thế kịp thời²⁶. Việc hướng dẫn của một số bộ, ngành Trung ương còn nặng về viện dẫn thực hiện theo các văn bản hiện hành (mặc dù có nội dung không còn phù hợp với thực tiễn hiện nay và chủ trương, Nghị quyết mới của Đảng), chưa có định hướng, giải pháp tháo gỡ vướng mắc ở địa phương. Cơ chế, chính sách khuyến khích việc sắp xếp tinh gọn tổ chức, biên chế chưa phù hợp, thiếu mạnh mẽ. Mô hình tổng thể về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị nói chung và các cơ quan

²⁶Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật CNTT; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 24/2014/NĐ-CP Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chậm ban hành các văn bản triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Trung ương mới chỉ ban hành được Nghị định số 16/2015/NĐ-CP (là nghị định khung) và 02 Nghị định đối với lĩnh vực Sự nghiệp khoa học công nghệ; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; còn các lĩnh vực Y tế, Giáo dục và Đào tạo, dạy nghề, văn hóa TTDL, thông tin truyền thông và báo chí chưa có Nghị định; Giá các dịch vụ chưa tính đủ các yếu tố chi phí, chưa khuyến khích được các đơn vị đầu tư mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ, chưa thu hút được nguồn lực xã hội hóa đầu tư phát triển; định mức kinh tế, kỹ thuật một số lĩnh vực đã ban hành từ lâu nhưng chưa được điều chỉnh phù hợp. Chính phủ chưa sửa đổi Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và ban hành các văn bản hướng dẫn để thực hiện chủ trương của Đảng tại Kết luận 102 ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị, Thông báo số 158 ngày 2/1/2020 của Ban Bí thư về hội quần chúng trong tình hình mới

nhà nước nói riêng chưa được hoàn thiện, một số bộ phận, lĩnh vực chưa phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới.

- Các văn bản QPPL có quy định về TTHC thường xuyên thay đổi tạo áp lực lớn khiến các sở, ban, ngành phải liên tục rà soát, dự thảo Quyết định công bố TTHC mới, gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng và tiến độ thực hiện TTHC. Việc liên thông giải quyết TTHC giữa các cơ quan hành chính nhà nước và cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn còn vướng mắc do các quy định riêng của ngành dọc ở Trung ương.

- Điều kiện kinh tế, nguồn thu và khả năng ngân sách của một số địa phương còn khó khăn nên việc bố trí kinh phí cho công tác CCHC nói chung và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác CCHC cũng như tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nói riêng còn hạn chế. Việc thực hiện, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 số lượng hồ sơ tiếp nhận không nhiều, do tâm lý người dân, doanh nghiệp vẫn ngại tham gia; người dân chưa có trang thiết bị hoặc kỹ năng phù hợp để thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Nhận thức của cấp uỷ, chính quyền, cán bộ, công chức tham mưu về CCHC ở không ít cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ, chưa thấy được tác động tích cực của CCHC đối với thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn tại đơn vị²⁷.

- Người đứng đầu của một số đơn vị, địa phương chưa thực hiện tốt trách nhiệm của mình theo quy định của UBND tỉnh²⁸, thậm chí có nơi còn giao hoàn toàn trách nhiệm cho cấp phó hoặc công chức trực tiếp tham mưu.

- Công tác kiểm tra, giám sát ở một số đơn vị chưa thực sự được quan tâm, chú trọng,... nhất là việc kiểm tra, giám sát ngay từ khâu ban đầu, còn nặng về kiểm tra, xử lý theo vụ việc, còn tình trạng ban hành kế hoạch CCHC hàng năm nhưng không tổ chức thực hiện kiểm tra. Việc khắc phục những tồn tại, hạn chế được chỉ ra sau thanh tra công vụ, kiểm tra CCHC ở một số đơn vị chưa kịp thời, đầy đủ. Công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, khen thưởng trong CCHC chưa kịp thời.

- CCHC là công việc khó khăn, có nhiều nội dung phức tạp nhưng phương pháp tổ chức triển khai thực hiện chưa có nhiều giải pháp tập trung, quyết liệt, có thời điểm công tác tuyên truyền phục vụ cho việc triển khai các chương trình,

²⁷ Còn tình trạng nhận thức cải cách hành chính chỉ là cải cách thủ tục hành chính; nhận thức về cơ chế tự chủ tài chính còn mang nặng tư tưởng bao cấp, chưa mạnh dạn, quyết liệt trong mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; tư tưởng bao cấp, tâm lý dựa dẫm, trông chờ vào Nhà nước còn khá phổ biến; chưa sử dụng công cụ công nghệ thông tin trong điều hành công việc, chủ yếu chỉ đạo trên văn bản giấy; Nhận thức và thói quen làm việc tùy hứng không theo quy trình ISO ban hành làm ảnh hưởng đến chất lượng áp dụng của cơ quan,...

²⁸ Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 25/3/2014; Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh (thay thế Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND) Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước và cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh về thực hiện cải cách hành chính.

nhiệm vụ CCHC chưa tạo được sự thống nhất cao về nhận thức trong toàn bộ hệ thống chính trị cũng như sự đồng thuận trong nhân dân.

- Năng lực tham mưu về CCHC của một số cán bộ, công chức còn hạn chế, thiếu sáng tạo, chưa thực sự tâm huyết. Việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức vẫn là khâu yếu, chưa phản ánh được thực chất, chưa gắn với kết quả, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; vẫn còn tình trạng cảm tính, nể nang, dễ dãi hoặc định kiến. Việc chuyển đổi vị trí công tác theo quy định đối với công chức, viên chức có nơi thực hiện chưa tốt, chưa phù hợp với thực tiễn; chưa gắn việc chuyển đổi vị trí công tác với luân chuyển một số chức danh lãnh đạo quản lý giữ chức vụ nhiều năm ở những lĩnh vực nhạy cảm, thậm chí có dư luận không tốt. Công tác quản lý CBCCVC có nơi chưa chặt chẽ, vẫn còn tình trạng CBCCVC vi phạm kỷ luật kỷ cương hành chính, vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ, nhiệm vụ phải xử lý kỷ luật theo quy định, thậm chí bị truy tố.

- Một số hệ thống thông tin và phần mềm dùng chung chưa đồng bộ, còn tình trạng nhiều phần mềm sử dụng cho một lĩnh vực công việc, gây khó khăn cho cán bộ, công chức trong quá trình khai thác, ứng dụng; khả năng tiếp cận và ứng dụng CNTT của một bộ phận CBCCVC hạn chế; Trung tâm tích hợp dữ liệu kế thừa từ Đề án 112 với quy mô nhỏ, công nghệ cũ; chưa ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, tính bảo mật và năng lực đáp ứng của Trung tâm THDL còn hạn chế, hiệu năng thấp; chưa đáp ứng được yêu cầu triển khai các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh theo kiến trúc Chính quyền điện tử và hướng tới đô thị thông minh. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị hiện vẫn còn thiếu, đặc biệt là thiếu cán bộ công nghệ thông tin có trình độ cao về bảo mật và an ninh mạng.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp, mức thu các loại phí chưa tính đủ các yếu tố chi phí nên chưa khuyến khích được các đơn vị đầu tư mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ trên diện rộng. Công tác xã hội hóa thu hút nguồn lực để phát triển các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao... còn hạn chế. Một số sở, ngành, đơn vị, huyện thị và UBND cấp xã chưa quyết liệt trong tổ chức thực hiện công tác cải cách tài chính công nên tỷ lệ các đơn vị tự chủ đạt thấp, hiệu quả tự chủ chưa cao.

- Lãnh đạo, Ban chỉ đạo ISO của một số cơ quan, đơn vị hoạt động chưa hiệu quả, chưa quan tâm, chỉ đạo chưa quyết liệt và không thường xuyên trong việc triển khai áp dụng ISO 9001 vào hoạt động điều hành. Nhận thức của các cán bộ, công chức về ISO tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn một số bộ phận ngại thay đổi, vẫn quen với lề lối làm việc cũ dẫn đến mức độ tuân thủ các quy trình chưa cao. Kinh phí để triển khai xây dựng và áp dụng ISO còn hạn chế so với định mức quy định, cơ sở vật chất một số cơ quan, đơn vị còn thiếu, nguồn nhân lực chưa đáp ứng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả vận hành áp dụng hệ thống.

B. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY HÀNH CHÍNH CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2016-2021

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp

Công tác chỉ đạo điều hành của UBND các cấp trong nhiệm kỳ qua bảo đảm đồng bộ, xuyên suốt, kịp thời trên các lĩnh vực; đồng thời, xác định các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, các vấn đề cấp bách cần giải quyết kịp thời để phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện các đề án, chính sách.

Hoạt động của UBND các cấp, thành viên UBND các cấp bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chế làm việc. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; kết hợp trách nhiệm tập thể UBND với việc đề cao trách nhiệm cá nhân Chủ tịch UBND, các Phó Chủ tịch UBND và Ủy viên UBND; phân công nhiệm vụ, quyền hạn rõ ràng; bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất cao trong chỉ đạo, điều hành. Phương thức chỉ đạo điều hành tiếp tục được đổi mới; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh dành nhiều thời gian kiểm tra, làm việc với cơ sở nhằm nắm bắt thực tiễn đưa chính sách vào cuộc sống, từ đó ban hành thông báo kết luận, văn bản chỉ đạo kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Xây dựng, ban hành kịp thời chương trình công tác tháng của UBND các cấp; bám sát định hướng chỉ đạo chung, các nhiệm vụ trọng tâm và chương trình công tác của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi để các sở, ban, ngành, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch công tác, chuẩn bị nội dung tham mưu, chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành; mở rộng và sử dụng hiệu quả các hình thức tổ chức họp trực tuyến; việc gửi nhận văn bản điện tử, chỉ đạo điều hành đi vào nền nếp, ổn định; thực hiện hiệu quả Quy chế theo dõi, đôn đốc kiểm tra thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng, góp phần đổi mới cơ chế trao đổi, tiếp nhận và xử lý thông tin; tạo thuận lợi trong theo dõi, đôn đốc, kiểm tra; nâng cao vai trò, ý thức trách nhiệm khi trực tiếp tham mưu xử lý công việc.

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự điều hành của chính quyền đã góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, vai trò của cấp ủy các cấp, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, ngày càng rõ hơn vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các cấp chính quyền, tạo điều kiện để cơ quan chính quyền thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị, tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND các cấp trên một số lĩnh vực chủ yếu

(Phụ lục 03 kèm theo)

3. Công tác phân cấp quản lý hành chính và thực hiện quy chế làm việc UBND các cấp:

3.1. Công tác phân cấp quản lý hành chính:

Việc phân cấp quản lý hành chính Nhà nước trên các lĩnh vực về cơ bản phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở đồng thời phân định rõ trách nhiệm của các sở, ngành và địa phương trong triển khai nhiệm vụ được phân cấp, đề cao tinh thần trách nhiệm, sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan có liên quan trong quản lý hành chính và thực hiện nhiệm vụ được phân cấp. Đảm bảo sự quản lý tập trung, thống nhất và thông suốt, đồng thời phát huy tính năng động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành, từ đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

3.2. Thực hiện Quy chế làm việc UBND các cấp:

Nhiệm kỳ 2016 - 2021, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc ban hành quy chế làm việc của UBND tỉnh; ban hành các thông báo phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh. Trên cơ sở đó UBND các cấp đã xây dựng quy chế làm việc của đơn vị mình. Quy chế làm việc của UBND các cấp đã quy định rõ trách nhiệm, phạm vi và cách thức giải quyết công việc của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND các cấp, mối quan hệ công tác giữa UBND với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết công việc của UBND, thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết công việc của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và đề cao trách nhiệm người đứng đầu UBND. Về quy trình giải quyết công việc và ra quyết định, tổ chức triển khai thực hiện theo đúng thẩm quyền, theo sự phân công của Chủ tịch UBND giao trách nhiệm cho các Phó Chủ tịch UBND và các thành viên UBND. Kết quả thực hiện quy chế làm việc của UBND các cấp thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật. Các cơ quan chuyên môn giúp việc cho UBND các cấp đã thực hiện đúng quy định về chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho UBND quyết định các vấn đề quan trọng về phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng theo đúng quy định của pháp luật.

4. Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của UBND cấp dưới

Trong nhiệm kỳ 2016-2021, công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của UBND cấp dưới luôn được UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực, hoạt động kiểm tra, giám sát có nhiều đổi mới; chất lượng, hiệu quả, hiệu lực trong kiểm tra, giám sát được nâng lên rõ rệt góp phần tích cực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hằng năm, tỉnh chủ động xây dựng và ban hành kế hoạch, chương trình kiểm tra, giám sát theo từng ngành, lĩnh vực cụ thể như: CCHC, giải quyết thủ tục hành chính, kiểm tra, thanh tra công vụ công chức, xây dựng nông thôn mới... Qua kiểm tra, giám sát hoạt động UBND cấp dưới đã triển khai thực hiện có hiệu quả quy chế làm việc, quy chế văn hóa công vụ, tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với chức năng nhiệm vụ được giao; quán triệt và thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ, góp phần

nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh. Việc kiểm tra đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; kịp thời ngăn chặn việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây nhũng nhiễu, phiền hà, trục lợi khi xử lý, giải quyết công việc liên quan đến người dân và doanh nghiệp; việc quản lý và sử dụng xe công, chế độ hội họp đảm bảo tiết kiệm đúng quy định.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế:

1.1. Về phát triển kinh tế - xã hội

- Một số chỉ tiêu quan trọng của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đề ra không đạt, nhất là tốc độ tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, thu nhập bình quân đầu người... Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa vững chắc, quy mô nền kinh tế còn nhỏ, phát triển thiếu bền vững, chưa đồng đều giữa các ngành, lĩnh vực, địa phương; liên kết sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thiếu chặt chẽ. Chưa tạo được chuyển biến căn bản về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Huy động tổng đầu tư toàn xã hội đạt thấp, một số dự án đầu tư triển khai chậm tiến độ. Thu ngân sách, nhất là các khoản thu ngoài quốc doanh đạt thấp, thu từ tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn. Môi trường đầu tư chưa thuận lợi, thu hút đầu tư vào một số địa bàn, lĩnh vực gặp nhiều khó khăn.

- Tăng trưởng công nghiệp chủ yếu dựa vào sản xuất thép. Khu Kinh tế Vũng Áng chưa thu hút được nhiều các dự án công nghiệp hỗ trợ; tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp còn nhiều khó khăn; tiêu thủ công nghiệp chậm phát triển.

- Cơ cấu lại ngành nông nghiệp chưa thực sự gắn với phát triển kinh tế nông thôn, sản xuất quy mô nhỏ, liên kết thiếu bền vững; tăng trưởng thấp; chế biến, tiêu thụ nông sản gặp nhiều khó khăn. Phong trào xây dựng nông thôn mới chưa đồng đều ở các địa phương; thu nhập bình quân đầu người và đời sống của người dân nông thôn còn thấp. Tốc độ tăng trưởng lĩnh vực dịch vụ còn thấp so với các tỉnh trong khu vực; dịch vụ, du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, năng lực cạnh tranh thấp.

- Nguồn lực đầu tư phát triển văn hóa chưa tương xứng. Quản lý nhà nước về văn hóa một số lĩnh vực chưa nghiêm, nhất là thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, tang, lễ hội; các chính sách du lịch hiệu quả đạt thấp. Giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên chưa được quan tâm đúng mức. Chất lượng khám, chữa bệnh của các bệnh viện tuyến huyện chưa đồng đều; năng lực chuyên môn và quản lý tại tuyến y tế cơ sở còn hạn chế; tỷ lệ sinh con thứ 03 cao. Đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm chưa tốt. Nhân lực chất lượng cao trên các lĩnh vực, nhất là kinh tế, khoa học, kỹ thuật, văn hóa còn thiếu; chuyển dịch cơ cấu lao động chậm; lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn.

- UBND các cấp chưa thực sự quyết liệt trong chỉ đạo, đầu tư để tạo sự bứt phá trong xây dựng Chính quyền điện tử; cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, tỷ lệ cung cấp, sử dụng dịch vụ công mức độ 3, 4 còn ở nhóm cuối cả nước; hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến đã có kết quả khá tích cực, nhưng tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến vẫn chưa cao (mới đạt tỷ lệ 29,1%); ứng dụng khoa học, công nghệ chưa trở thành nền tảng, động lực cho sự phát triển.

- Công tác quản lý đội ngũ phóng viên, cộng tác viên báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh vẫn còn hạn chế, việc thực hiện quy chế phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí và phản hồi, xử lý các vấn đề báo chí phản ánh chưa được các đơn vị, địa phương quan tâm đúng mức.

- Công tác quản lý nhà nước ở một số lĩnh vực còn dễ xảy ra sai phạm; quản lý, sử dụng tài nguyên, nhất là đất đai, khoáng sản chưa hiệu quả; ô nhiễm môi trường một số nơi chậm được phát hiện, xử lý. Việc thực hiện quy hoạch, thu hút đầu tư xây dựng các khu xử lý rác thải tập trung gặp nhiều khó khăn.

- Ngoài Dự án Khu liên hiệp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh, Khu Kinh tế Vũng Áng chưa thu hút được nhiều dự án lớn đầu tư, chưa thực sự trở thành khu kinh tế để làm động lực phát triển cho vùng, khu vực; chưa tập trung tháo gỡ khó khăn để đẩy nhanh tiến độ triển khai một số dự án trọng điểm; tỷ lệ đô thị hóa còn thấp; thị xã Hồng Lĩnh chưa đạt chuẩn đô thị loại 03 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII; hạ tầng giao thông, thoát nước của thành phố Hà Tĩnh và các đô thị chưa được đầu tư tương xứng.

1.2. Về đảm bảo quốc phòng - an ninh

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội một số địa bàn còn tiềm ẩn phức tạp; đấu tranh phòng, chống tai nạn, tệ nạn xã hội, tội phạm, nhất là tội phạm phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao, tội phạm ma túy gặp nhiều khó khăn, thách thức. Xử lý một số vụ việc phức tạp còn bị động, thiếu kiên quyết. Công tác bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng còn nhiều tồn đọng, nhất là tại Khu Kinh tế Vũng Áng.

2. Nguyên nhân hạn chế, tồn tại

2.1. Nguyên nhân khách quan

Do tình hình an ninh chính trị trong khu vực và trên thế giới có nhiều biến động phức tạp; một số cơ chế chính sách của Trung ương còn chưa đồng bộ biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh; hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, các văn bản hướng dẫn thi hành chậm, nhất là chính sách, pháp luật về đầu tư, môi trường, đất đai, xây dựng; nguồn lực đầu tư còn hạn chế; tình hình thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Việc thực hiện Quy chế hoạt động ở UBND một số địa phương thực hiện chưa nghiêm túc, chưa gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong cơ

quan, tổ chức; thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, có lúc chưa nghiêm, thiếu kịp thời.

- Một số cấp ủy, chính quyền chưa xem công tác CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá. Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, địa phương thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, ngại va chạm, né tránh, trông chờ, ỷ lại, chưa thể hiện rõ vai trò nêu gương.

- Chưa dự báo hết được những khó khăn, thách thức nảy sinh và nội tại của nền kinh tế để có những giải pháp ứng phó một cách căn cơ, lâu dài. Dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê đến nay chưa có quyết định chấm dứt chính thức, ảnh hưởng lớn đến đời sống người dân khu vực mỏ và kế hoạch phát triển chung của tỉnh.

- Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội không đạt kế hoạch do việc tổ chức thực hiện thiếu quyết tâm cao, hành động thiếu quyết liệt, kế hoạch triển khai chưa kịp thời, có biểu hiện né tránh, ngại va chạm, thiếu tập trung để huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc. Phối hợp giữa các cấp, ngành và địa phương có mặt chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ, chưa gắn trách nhiệm cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, nhất là huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, xử lý những vấn đề vướng mắc liên quan đến các dự án đầu tư, các tình huống phức tạp, vụ việc tồn đọng.

- Thiếu kiểm tra, giám sát thường xuyên để xảy ra sự cố môi trường biển nghiêm trọng. Công tác bám địa bàn, dự báo, nắm tình hình một số vụ việc chậm, lúng túng; đấu tranh với các phần tử xấu, cực đoan cấu kết với các thế lực thù địch xuyên tạc, kích động, chống phá, gây ra một số vụ việc phức tạp chưa quyết liệt, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC CCHC ĐẾN HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY HÀNH CHÍNH CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2016-2021

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2021

1. Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh

Xác định CCHC đóng vai trò then chốt để “mở cửa” thu hút đầu tư, thời gian qua, Hà Tĩnh đã coi công tác CCHC là một trong những ưu tiên hàng đầu, là khâu đột phá trong việc thúc đẩy thu hút đầu tư, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; trong giai đoạn 2016- 2020, các cấp, ngành, địa phương đã nỗ lực tạo môi trường, hành lang thông thoáng trong thu hút đầu tư, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp phát triển dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh hiệu quả, góp phần đưa kinh tế - xã hội của tỉnh ngày càng phát triển, cụ thể: tăng cường tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp; triển khai xây dựng và đưa vào vận hành phần mềm quản lý dự án đầu tư của doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh từ năm 2020; nâng cao trách nhiệm, chất lượng trong phối hợp, thẩm định hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư giữa các sở, ban, ngành, địa

phương liên quan đảm bảo đúng quy trình, rút ngắn thời gian trả kết quả cho nhà đầu tư; nâng cấp Cổng thông tin điện tử của các sở, ban ngành, thường xuyên cập nhật các thông tin, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu thông tin của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Nhờ đẩy mạnh CCHC, đặc biệt là cải cách TTHC, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thông tin minh bạch, thủ tục đầu tư thông thoáng, đổi mới thực hiện tốt cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông” đã tạo sức hút mạnh mẽ thu hút đầu tư. Đến nay, toàn tỉnh có 1.449 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký 445.376 tỷ đồng (tương đương 19,364 tỷ USD), trong đó có 1373 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký trên 131.932 tỷ đồng (tương đương 5,736 tỷ USD) và 76 dự án FDI đang hoạt động với tổng vốn đăng ký hơn 313.444 tỷ đồng (tương đương hơn 13,628 tỷ USD); trong giai đoạn 2016-2021, toàn tỉnh đã thu hút được 495 dự án đầu tư với tổng mức đầu tư 51.338,7 tỷ đồng; giai đoạn 2011-2015 thu hút được 360 dự án đầu tư với tổng mức đầu tư 34.684,8 tỷ đồng.

2. Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh

Trong giai đoạn 2016 - 2021, công tác CCHC trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp đã có những chuyển biến tích cực, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện các thủ tục thành lập mới, thay đổi đăng ký kinh doanh, cụ thể: rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh, giúp công tác đăng ký doanh nghiệp ngày càng nhanh chóng, thuận lợi, giảm bớt số lần đi lại của doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký doanh nghiệp; thời gian thực hiện giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đã cắt giảm từ 03 ngày xuống còn 02 ngày làm việc (theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020 là 03 ngày làm việc); thực tế có nhiều thời điểm xử lý hồ sơ doanh nghiệp là dưới 1,5 ngày/hồ sơ. 100% hồ sơ trả kết quả đúng hạn (Trong đó trước hạn trên 90%); thực hiện nghiêm túc các thủ tục đăng ký kinh doanh phải niêm yết công khai; tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp trực tuyến; nâng cao chất lượng tư vấn, hướng dẫn thủ tục cho doanh nghiệp (trực tiếp, qua điện thoại hoặc email...), rút ngắn thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

Cộng đồng doanh nghiệp Hà Tĩnh đã phát triển nhanh về số lượng, đa dạng về loại hình doanh nghiệp, quy mô, chất lượng hoạt động được nâng lên và ngày càng mở rộng hơn về thị trường, lĩnh vực đầu tư, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm việc làm, tăng thu ngân sách, là nhân tố tích cực góp phần phát triển toàn diện kinh tế - xã hội tỉnh nhà. Trong giai đoạn 2016-2021, tổng số doanh nghiệp thành lập mới là 4.690 doanh nghiệp, tăng 53,3 % so với giai đoạn 2011-2015 (thành lập mới 3.059 doanh nghiệp). Lũy kế đến cuối năm 2020, tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới toàn tỉnh là 10.639 doanh nghiệp, vượt mục tiêu 10.000 doanh nghiệp năm 2020; tổng vốn điều lệ đăng ký đạt 104.248 tỷ đồng; vốn đăng ký bình quân 9,8 tỷ đồng/doanh nghiệp; trong đó có 8.997 doanh nghiệp có tình trạng hoạt động trên hệ thống Đăng ký kinh doanh quốc gia, đạt 6,9 doanh nghiệp/1.000 dân.

3. Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh

Trong giai đoạn 2016-2021 cả nước và tỉnh Hà Tĩnh diễn ra nhiều sự kiện trọng đại. Bên cạnh những kết quả tỉnh nhà đạt được trên nhiều lĩnh vực về kinh tế - xã hội đã tạo ra nguồn thu cho ngân sách thì công tác thuế vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức; mức tăng trưởng kinh tế đạt khá so bình quân chung cả nước và các tỉnh lân cận; nhiều chỉ tiêu kinh tế chủ yếu tạo ra nguồn thu không đạt chỉ tiêu đề ra; doanh nghiệp có phát sinh thuế còn chiếm tỷ lệ rất thấp so với doanh nghiệp được cấp phép; số doanh nghiệp giải thể, tạm ngừng hoạt động chiếm tỷ lệ cao đã làm khó khăn thêm trong thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách; đặt biệt sự cố môi trường biển, thiên tai bão lũ và dịch bệnh COVID-19 đã gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản làm ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của nhân dân và hoạt động SXKD của người nộp thuế, đã làm tăng thêm khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nội địa.

Tuy nhiên được sự lãnh đạo sâu sát của cấp ủy đảng, chỉ đạo quyết liệt trực tiếp của UBND tỉnh, của cả hệ thống chính trị và của ngành dọc cấp trên; sự phối hợp hiệu quả của các sở, ban, ngành và ngành thuế với nỗ lực cố gắng và trách nhiệm cao nhất trong việc thực hiện nhiệm vụ, nên công tác thu ngân sách của tỉnh giai đoạn 2016-2021 đã hoàn thành xuất sắc dự toán Bộ Tài chính và HĐND tỉnh giao, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016-2020 của tỉnh.

Kết quả thu ngân sách nội địa trên địa bàn toàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2021 là 33.363 tỷ đồng.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung, kết quả toàn diện, đồng bộ trên tất cả các nội dung/lĩnh vực CCHC trong giai đoạn 2016-2021 đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, đặc biệt là công tác cải cách TTHC, cải cách tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, hiện đại hóa nền hành chính đã có những chuyển biến tích cực, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2016-2021.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC đã tác động không nhỏ đến hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính các cấp nhiệm kỳ 2016-2021: CCHC một số mặt, lĩnh vực chưa đạt yêu cầu, nhất là giải quyết các thủ tục liên quan đến doanh nghiệp và người dân; việc đối thoại, tiếp công dân ở một số địa phương thực hiện chưa nghiêm, hiệu quả chưa cao; xây dựng Chính quyền điện tử và chuyển đổi số còn chậm; tỷ lệ dịch vụ trực tuyến mức độ 3, 4 vẫn còn thấp so với yêu cầu; tỷ lệ các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên còn thấp; chỉ số CCHC (PAR INDEX) của tỉnh mặc dù nằm trong top 16 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước, nhưng không đảm bảo tăng dần về thứ hạng năm sau so với năm trước liền kề (năm 2020 bị giảm 4 bậc so với năm 2019)...

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Một là, quán triệt, nắm vững các quan điểm, chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương. Tập trung vào những "điểm nghẽn", ách tắc để lựa chọn nội dung đột phá phù

hợp với yêu cầu thực tiễn của Hà Tĩnh theo từng năm, giai đoạn. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, quyết tâm chính trị của người đứng đầu các cấp, huy động sự tham gia của hệ thống chính trị, sự đồng thuận trong Nhân dân để triển khai, thực hiện công tác CCHC, đặc biệt những nội dung mới, khó, phức tạp.

Hai là, công tác CCHC cần phải quyết tâm chính trị cao, thực hiện kiên trì, quyết liệt với những mục tiêu rõ ràng, giải pháp cụ thể, khả thi, mạnh dạn thực hiện thí điểm, lấy sự hài lòng của tổ chức và công dân làm phương châm hành động.

Ba là, tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao hiểu biết về CCHC trong hệ thống chính trị và ngoài xã hội, đồng thời tạo cơ chế cho người dân thực hiện được vai trò giám sát đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước và thực thi công vụ, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Bốn là, phân công trách nhiệm cho các đơn vị, địa phương rõ ràng. Chú trọng công tác hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết quá trình triển khai, thực hiện gắn với công tác thi đua khen thưởng. Kịp thời biểu dương những cá nhân, đơn vị làm tốt; chấn chỉnh, phê bình những cá nhân, đơn vị làm chưa tốt, hiệu quả thấp trong triển khai, thực hiện.

Năm là, Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức, năng lực làm việc tốt, tinh thần phục vụ Nhân dân, đáp ứng yêu cầu CCHC và xu thế phát triển của tỉnh nhà.

Sáu là, cần đầu tư đúng mức các điều kiện thiết yếu cho CCHC như cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhằm từng bước hiện đại hoá công sở, nâng cao chất lượng dịch vụ công nhằm phục vụ tốt hơn cho các tổ chức, cá nhân khi thực hiện các TTHC. Thực hiện tốt các khoản chi thường xuyên, nâng nguồn thu nhập tăng thêm, từng bước nâng cao đời sống cho CB,CC để khuyến khích CB,CC chú tâm trong công việc.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP ĐẾN NĂM 2025

I. QUAN ĐIỂM

1. Quán triệt chủ trương của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025, "đẩy mạnh cải cách hành chính" là một trong những nhiệm vụ đột phá góp phần xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ phát triển, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, văn hóa phát triển, xã hội tiến bộ, quốc phòng - an ninh đảm bảo, trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung Bộ.

2. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước tại các cơ quan, đơn vị với nhiệm vụ CCHC nhằm nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp, của cơ quan, tổ chức nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh là trọng tâm, ưu tiên hàng đầu.

3. Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp, chất lượng điều hành của cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến các cấp cơ sở.

4. Các nội dung CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn và góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn.

5. Cải cách hành chính phải gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; xây dựng chính quyền số, chính quyền điện tử với lộ trình bước đi phù hợp.

6. Cải cách hành chính phải kế thừa những thành tựu đã đạt được trong cải CCHC nhà nước giai đoạn vừa qua; tiếp thu những kinh nghiệm, những bài học thành công trong CCHC của các tỉnh, thành phố trong cả nước để vận dụng vào thực tiễn một cách phù hợp.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả phục vụ Nhân dân góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi mục tiêu: xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ phát triển, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, văn hóa phát triển, xã hội tiến bộ, quốc phòng - an ninh đảm bảo, trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung Bộ; cải thiện toàn diện đời sống Nhân dân; đến

năm 2025 tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, thu nhập bình quân đầu người cao hơn bình quân các tỉnh Bắc Trung Bộ.

2. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025

Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 tập trung vào 06 nội dung, đó là: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

Theo đó, trọng tâm CCHC đến năm 2025 tập trung 4/6 nội dung sau: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách chế độ công vụ; Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

Đến năm 2025: cải thiện điểm số, phần đầu nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước về Chỉ số CCHC (ParIndex), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và nhóm 05 tỉnh, thành phố, đứng đầu cả nước về Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), nhóm 20 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI)

2.1. Cải cách thể chế:

- Phần đầu 100% nội dung được Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch Nước, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương giao HĐND tỉnh và UBND tỉnh quy định chi tiết được triển khai, thực hiện kịp thời, chất lượng.

- Phần đầu 100% văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được rà soát đề sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế phù hợp với quy định của văn bản cấp trên ban hành.

- Phần đầu 100% văn bản QPPL của Trung ương, của tỉnh được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả.

2.2. Cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31/5/2020.

- Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

- Giai đoạn 2022 - 2025 số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

- Triển khai thực hiện 100% thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. 100% hồ sơ TTHC tiếp nhận thụ lý được cập nhật, quản lý và tổ chức thực hiện trên hệ thống phần mềm một cửa của tỉnh; Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Trên 50% hồ sơ TTHC thuộc danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được tiếp nhận và thụ lý (không bao gồm DVC TT của cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn).

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

- 90% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được rà soát xây dựng thành Quy trình nội bộ, công bố, công khai, cập nhật kịp thời.

- 100% Quyết định công bố danh mục và quy trình nội bộ TTHC áp dụng trên địa bàn tỉnh được ban hành sát, đúng với quy định pháp luật hiện hành, các quy trình được xây dựng theo hướng tối ưu hóa về thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện, trình tự thực hiện đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Tối thiểu 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; đồng thời sắp xếp, giải quyết số cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã.

- Cơ cấu lại mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo tính hợp lý, hoạt động hiệu quả; chuyển dần số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước sang ngân sách do đơn vị tự đảm bảo ở các đơn vị: đến năm 2025, giảm tối thiểu bình quân 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

- Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

2.4. Cải cách chế độ công vụ

- Xây dựng được đội ngũ có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; 15% số cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc (trừ các chức danh có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền).

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực thi công vụ, nhiệm vụ theo vị trí việc làm, kỹ năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin.

- 70% cán bộ, công chức, viên chức được nâng ngạch, thăng hạng theo đúng vị trí việc làm.

- Hàng năm, tỷ lệ thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đạt tối thiểu 20% so với tổng nhu cầu tuyển dụng.

2.5. Cải cách tài chính công

- Phân đầu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

- Giảm bình quân 10% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2016-2020.

- Thực hiện thoái vốn nhà nước tại các công ty cổ phần, phân đầu triển khai thực hiện thoái vốn nhà nước tại 03 công ty cổ phần theo phương án đã trình Chính phủ.

2.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số

2.6.1. Về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- Tối thiểu 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- Tối thiểu 30% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng và 50% tài khoản đăng ký giao dịch trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

2.6.2. Về áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 trong hoạt động của cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước

- 100% cơ quan, đơn vị đã xây dựng áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng thực hiện duy trì và cải tiến hệ thống đảm bảo thực chất, hiệu quả đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015;

- 100% các bệnh viện, 50% đơn vị sự nghiệp cấp huyện, 50% các trường học công lập trên địa bàn tỉnh xây dựng, áp dụng và công bố phù hợp tiêu chuẩn;

- 50% UBND cấp xã, cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo hướng mở rộng phạm vi áp dụng và điện tử hóa các quy trình;

- Các hoạt động nội bộ, hoạt động điều hành của cơ quan, đơn vị được rà soát và chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, hướng tới điện tử hóa 50% quy trình đã xây dựng.

- Thí điểm việc áp dụng TCVN ISO 18091:2020 (ISO 18091:2019) tại 1-2 cơ quan chính quyền địa phương.

2.7. Các chỉ tiêu chính về phát triển kinh tế xã hội

- Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh: Giai đoạn từ nay đến năm 2025 khoảng 220 nghìn tỷ đồng

- Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh: Mỗi năm thành lập mới trên 1.000 doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, phấn đấu đến năm 2025 toàn tỉnh có trên 15.000 doanh nghiệp.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã chọn nội dung “*Đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung xây dựng chính quyền điện tử, chính phủ số, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, gắn trách nhiệm người đứng đầu; tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi phục vụ người dân và doanh nghiệp*” là một trong ba đột phá chiến lược. Ngày 15/7/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP về Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, trong đó xác định trọng tâm CCHC 10 năm tới gồm 03 nội dung/lĩnh vực: (1) *Cải cách thể chế*, (2) *Cải cách chế độ công vụ* và (3) *Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, chính phủ số*. Chương trình tổng thể CCHC của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 (ban hành kèm theo Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 22/10/2021) xác định nhiệm vụ trọng tâm CCHC trong 5 năm 2021-2025 gồm 4 nội dung/lĩnh vực: (1) *Cải cách thể chế*, (2) *Cải cách thủ tục hành chính*, (3) *Cải cách chế độ công vụ*, (4) *Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính phủ số*.

Theo đó, từ nay đến năm 2025, tập trung các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025

Các cấp ủy đảng, chính quyền tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đầy đủ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025; đề cao vai trò, xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ; xác định các nhiệm vụ trọng tâm đột phá, xây dựng các mô hình mới, cách làm sáng tạo, hiệu quả trong các lĩnh vực của CCHC; gắn vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện công tác CCHC với tiêu chí thi đua, khen thưởng hàng năm.

1.2. Tạo bước đột phá chiến lược về cải cách thể chế để xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh đồng bộ, thống nhất, giải quyết những vấn đề phát sinh đang đặt ra trong thực tiễn

- Nâng cao nhận thức, đề cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; phát huy tốt hơn nữa vai trò của cấp ủy các cấp trong chỉ đạo thực hiện công tác này.

- Xây dựng hệ thống thể chế đồng bộ, thống nhất, trọng tâm là hoàn thiện thể chế về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao

hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; xây dựng cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; hoàn thiện thể chế về phân cấp, ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 26/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý hành chính nhà nước theo ngành, lĩnh vực.

- Thường xuyên rà soát các văn bản QPPL của Trung ương ban hành để xác định nội dung giao Hội đồng nhân dân, UBND các cấp quy định chi tiết nhằm kịp thời tham mưu ban hành các văn bản quy định trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành văn bản QPPL; xử lý kịp thời, triệt để, việc ban hành văn bản trái thẩm quyền; văn bản cá biệt chứa QPPL. Tăng cường việc kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị để xảy ra tình trạng ban hành văn bản trái pháp luật.

- Chú trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, xác định rõ cơ chế phân công, trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tổ chức thi hành pháp luật. Tăng cường công tác kiểm tra việc tổ chức thi hành pháp luật; phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.

1.3. Cải cách quyết liệt, thực chất và hiệu quả thủ tục hành chính là khâu đột phá, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, minh bạch

- Tập trung rà soát, đơn giản hóa và áp dụng công nghệ số để cải tiến mọi quy trình, thủ tục hành chính. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về kỷ luật, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm, nâng cao chất lượng thực thi chính sách, pháp luật, xây dựng văn hóa đồng hành, phục vụ người dân và doanh nghiệp, nhà đầu tư ngày một tốt hơn.

- Giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; trao đổi trên môi trường mạng; số hóa kết quả thủ tục hành chính để nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí. Xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân để xảy ra tình trạng chậm công bố, công khai, niêm yết hoặc thiếu trách nhiệm, gây phiền hà trong giải quyết TTHC; đảm bảo tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trả đúng và trước hẹn tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại các cơ quan hành chính nhà nước.

- Củng cố, đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp huyện và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã cho phù hợp với lộ trình, yêu cầu xây dựng chính quyền số, thành phố, đô thị thông minh.

- Xây dựng, công bố danh mục và quy trình nội bộ thủ tục hành chính áp dụng trên địa bàn tỉnh theo đúng pháp luật hiện hành.

1.4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng chính quyền địa phương liêm chính, phục vụ, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền rà soát, sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định chung của

Chính phủ; giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo hoặc bỏ trống chức năng, nhiệm vụ. Thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, các quy định, quy chế làm việc và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hợp nhất, mô hình thí điểm. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của UBND các cấp theo hướng sâu sát, cụ thể, “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ quy trình, rõ thời gian hoàn thành và rõ hiệu quả”, “một việc, một đầu mối xuyên suốt”.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền, ủy quyền tối đa theo quy định của pháp luật giữa cấp tỉnh và cấp huyện nhất là trong lĩnh vực quy hoạch, quản lý thực hiện quy hoạch, đầu tư, đất đai, ngân sách, biên chế, cán bộ; giữa cấp huyện và cấp xã, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn, trách nhiệm và cơ chế kiểm soát quyền lực; khuyến khích sự năng động, sáng tạo, tính chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và nâng cao hiệu quả phối hợp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn và hiệu quả hoạt động của chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện lộ trình giảm đầu mối đơn vị và số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương và của Tỉnh, gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng về mọi mặt của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Đổi mới phương thức làm việc tại các cơ quan hành chính thuộc tỉnh trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành, thúc đẩy toàn diện việc xử lý hồ sơ, công việc trên môi trường mạng; thực hiện hiệu quả mô hình cơ quan nhà nước, phòng họp không giấy tờ. Xây dựng tổ chức bộ máy chính quyền địa phương tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với khu vực nông thôn, thành thị.

1.5. Cải cách chế độ công vụ, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền đổi mới mạnh mẽ cách thức quản lý nguồn nhân lực hành chính nhà nước theo vị trí việc làm, đảm bảo một nền công vụ mở, cạnh tranh và chú trọng năng lực thực thi công vụ. Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định về công tác cán bộ. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ khoa học trình độ cao, cán bộ có trình độ công nghệ thông tin tại các cơ quan, địa phương, đơn vị để làm chủ các ứng dụng mới. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền gắn với kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ. Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức với cơ cấu hợp

lý, cân đối, đồng bộ. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, bảo đảm bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ thực sự khoa học, dân chủ, đúng pháp luật và quy định của Đảng. Thực hiện đồng bộ các giải pháp từ tuyển dụng đến bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ bảo đảm đúng người, đúng việc, lấy hiệu quả công việc và “phải có sản phẩm cụ thể” làm tiêu chí lựa chọn nhân sự. Rà soát, bổ sung quy định rõ và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị; tăng cường cơ chế giao, khoán việc, quy trách nhiệm đến cùng.

- Thực hiện chế độ thi nâng ngạch, thăng hạng theo nguyên tắc cạnh tranh; thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, công bằng. Thực hiện tốt cơ chế thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, phát hiện và trọng dụng nhân tài, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ có triển vọng trong các ngành, lĩnh vực mũi nhọn mà tỉnh cần.

- Đẩy mạnh việc luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo đúng thời gian quy định, nhất là ở những lĩnh vực nhạy cảm; thay thế và xử lý kịp thời cán bộ, công chức, viên chức ở những bộ phận có dư luận những nhiều, tiêu cực, hiệu quả công tác thấp.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo chức danh, nhất là cán bộ cấp phòng và cấp xã, phường; bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ chuyên môn, lý luận, ngoại ngữ, kiến thức hội nhập, chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong văn hóa ứng xử của đội ngũ cán bộ công chức viên chức trong thực thi công vụ.

- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật để phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, xử lý nghiêm hành vi vi phạm đạo đức, lối sống, quan liêu, xa dân.

1.6. Cải cách tài chính công

- Rà soát, sửa đổi bổ sung các quy định để đổi mới cơ chế tự chủ về tài chính tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; phân định rõ nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách theo hướng tăng cường vai trò chủ đạo của ngân sách tỉnh, đồng thời nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khuyến khích và thúc đẩy sáng tạo của chính quyền địa phương. Tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý tài chính công từ cấp tỉnh tới cấp xã theo đúng quy định của pháp luật.

- Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập cơ bản thiết yếu có chất lượng ngày càng cao. Hoàn thiện cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ngành, lĩnh vực trên cơ sở mức độ tự chủ về tài chính, tăng cường phân cấp, tăng tính chủ động cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thực hiện tốt phân cấp quản lý ngân sách, đề cao và phát huy vai trò của HĐND các cấp trong việc quyết định và giám sát thu, chi ngân sách. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách và mua sắm tài sản công.

1.7. Tạo bước đột phá trong hiện đại hóa nền hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền tập trung lãnh đạo phát triển mạnh hạ tầng số, hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng dữ liệu... kết nối liên thông, đồng bộ và thống nhất, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số. Hoàn thiện hệ thống thông tin một cửa điện tử, cổng dịch vụ công các cấp kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Quy trình hóa việc giải quyết công việc các cơ quan hành chính các cấp theo tiêu chuẩn ISO; cắt giảm tối đa giao dịch, hội họp trực tiếp; thúc đẩy toàn diện việc xử lý hồ sơ, công việc trên môi trường mạng hướng tới các cơ quan nhà nước “không giấy tờ”. Quản lý, khai thác vận hành hiệu quả Trung tâm điều hành thành phố thông minh phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của toàn tỉnh; gắn kết phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền điện tử, phát triển bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn.

- Nâng cao hiệu quả việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015 đảm bảo thực chất, hiệu quả. Tổ chức triển khai thí điểm việc áp dụng TCVN ISO 18091:2020 (ISO 18091:2019) tại các cơ quan chính quyền địa phương.

- Đầu tư phát triển hạ tầng số, trong đó tập trung phát triển hạ tầng truyền dẫn, hệ thống dữ liệu để đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và xây dựng thành phố thông minh.

- Xây dựng được nền tảng chuyển đổi số của tỉnh đảm bảo kết nối, tích hợp, khai thác, chia sẻ dữ liệu của tỉnh kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và của các Bộ, ngành Trung ương, nhất là dữ liệu về dân cư, y tế, giáo dục, bảo hiểm, doanh nghiệp, đất đai, nhà ở, phục vụ kịp thời, hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân.

- Phát triển đa dạng kênh tương tác trực tuyến để người dân, doanh nghiệp tham gia, giám sát hoạt động xây dựng thực thi các chính sách pháp luật của cấp cơ sở để kịp thời điều chỉnh, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, nhà đầu tư, doanh nghiệp. Xây dựng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân để nhanh chóng phổ cập các kiến thức, kỹ năng số cần thiết, cơ bản cho mọi đối tượng trong xã hội. Thúc đẩy phổ cập điện thoại thông minh để mọi người dân có thể tiếp cận dịch vụ số mọi lúc, mọi nơi.

1.8. Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI), tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền các cấp, các cơ quan chuyên môn nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Đổi mới tư duy quản lý, xem doanh nghiệp, nhà đầu tư là đối tượng được phục vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức “kỷ cương - trách nhiệm - tận tình - thân thiện” để phục vụ doanh nghiệp và người dân.

- Triển khai và thực hiện có hiệu quả Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh

tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) để cải thiện chất lượng điều hành của các sở, ban, ngành và huyện/thành phố; tạo động lực cải cách liên tục và đồng bộ giữa các ngành, các cấp nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, minh bạch.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vượt qua ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động đối thoại doanh nghiệp ở các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở; xây dựng, củng cố mối quan hệ giữa chính quyền và doanh nghiệp, người dân; đối tác gần bó dài hạn; đảm bảo môi trường đầu tư kinh doanh an toàn, kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản, giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh.

1.9. Cải thiện các Chỉ số liên quan đến CCHC: Chỉ số cải cách hành chính (ParIndex), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI).

1.10. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra của cấp ủy, chính quyền; phát huy cao nhất vai trò, trách nhiệm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của các cơ quan đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp, Nhân dân và cơ quan truyền thông, báo chí trong công tác CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Chú trọng kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt; tăng cường kiểm tra “các cấp”; giám sát chuyên đề đột xuất, không báo trước; phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm.

2. Nhiệm vụ, giải pháp thường xuyên

2.1. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan thường trực CCHC của tỉnh và các cơ quan được giao chủ trì triển khai các nội dung CCHC. Có cơ chế khuyến khích sáng tạo, phát huy các giải pháp mới (sáng kiến) về CCHC để đưa vào áp dụng hiệu quả, chất lượng.

2.2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp. Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền; tăng cường các hình thức thông tin, tương tác với người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng, chú trọng tuyên truyền về những giải pháp, lợi ích mà chính quyền cung cấp cho người dân, doanh nghiệp; nêu gương, có hình thức biểu dương, khen thưởng kịp thời các cá nhân, tổ chức làm tốt công tác CCHC.

2.3. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho CCHC; nâng cao năng lực nghiên cứu và tham mưu của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho đội

ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ CCHC của các sở, ngành, địa phương. Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

2.4. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC; thường xuyên tổ chức đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả CCHC hằng năm của các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số CCHC theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức khảo sát, đánh giá. Xây dựng, triển khai các Đề án đo lường sự hài lòng để đánh giá hiệu quả các hoạt động liên quan thiết yếu đến người dân, doanh nghiệp. Ứng dụng công nghệ thông tin trong khảo sát, điều tra xã hội học để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh.

2.5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

3. Khung nhiệm vụ, Đề án trọng tâm đến năm 2025

(Phụ lục 4 kèm theo)

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Đề án và Kế hoạch CCHC hằng năm của đơn vị và tổ chức thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ đề ra.

- Phổ biến, tuyên truyền kế hoạch CCHC của tỉnh và của đơn vị nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức đối với công tác CCHC; đặc biệt là nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị đối với công tác CCHC.

- Tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

2. Các đơn vị được giao chủ trì tham mưu các Đề án, nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Đề án này có trách nhiệm xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Sở Nội vụ

- Là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Đề án và Kế hoạch CCHC hằng năm của tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng yêu cầu, tiến độ đề ra.

- Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC; các nội dung về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá; báo cáo UBND tỉnh hằng quý, 6 tháng và hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai xác định Chỉ số CCHC hằng năm của các Sở, Ban, ngành, địa phương; triển khai thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước để triển khai xác định chỉ số CCHC hằng năm cho các đơn vị, địa phương.

- Hằng năm, tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện công tác CCHC của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh sơ kết việc thực hiện công tác CCHC trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 gắn với tổng kết Đề án.

4. Sở Tư pháp

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế.

- Chủ trì tham mưu cập nhật có hiệu quả cơ sở dữ liệu về hộ tịch, đảm bảo liên thông đồng bộ và chia sẻ dữ liệu dùng chung, kết nối với các hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia, Bộ, ngành liên quan.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh triển khai nội dung cải cách thủ tục hành chính; triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số; theo dõi, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. Sở Tài chính

- Chủ trì tham mưu, đề xuất UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

- Tổng hợp tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ CCHC trong dự toán chi thường xuyên ngân sách hằng năm của các Sở, ngành, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền CCHC giai đoạn 2021-2025.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015

- Chủ trì việc thẩm định quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo quy định, thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy trình trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Tham mưu đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy sáng kiến, giải pháp hữu ích trong CCHC.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

10. Sở Y tế

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

- Tham mưu triển khai thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.

- Tham mưu triển khai thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

12. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì tham mưu cập nhật có hiệu quả cơ sở dữ liệu về đất đai, đảm bảo liên thông đồng bộ và chia sẻ dữ liệu dùng chung, kết nối với các hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia, Bộ, ngành liên quan.

13. Công an tỉnh

Chủ trì xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư, cấp và quản lý căn cước công dân, thực hiện tích hợp kết nối chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương được bảo đảm thông suốt, hoạt động có hiệu quả.

14. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh

Phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng chuyên mục, chuyên trang và tuyên truyền có trọng tâm, trọng điểm, bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú về công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

15. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp tỉnh

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác truyền thông nhằm tạo sự ủng hộ và tham gia của cá nhân, tổ chức đối với công tác CCHC, đồng thời giám sát việc thực hiện công tác CCHC, nhất là giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

Phần thứ tư

KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kính đề nghị BTV Tỉnh ủy xem xét trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết chuyên đề để tạo sự thống nhất, quyết tâm chính trị cao trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Đề án này trong toàn hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh.

2. Ưu tiên dành nguồn lực thực hiện thành công các nhiệm vụ, Đề án trọng tâm và chỉ đạo các cơ quan liên quan tập trung triển khai các nhiệm vụ, Đề án trọng tâm theo Phụ lục 4 kèm theo Đề án./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- BTV Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Huyện ủy, UBND các huyện, TP, TX;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Hà Tĩnh;
- CVP, các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, NC₁.

T/M BAN CÁN SỰ
BÍ THƯ

Võ Trọng Hải